

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
THÁNG HAI NĂM 2026

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 3 năm 2026



CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TP. ĐÀ NẴNG



KINH TẾ - XÃ HỘI **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** **Tháng 02 năm 2026**



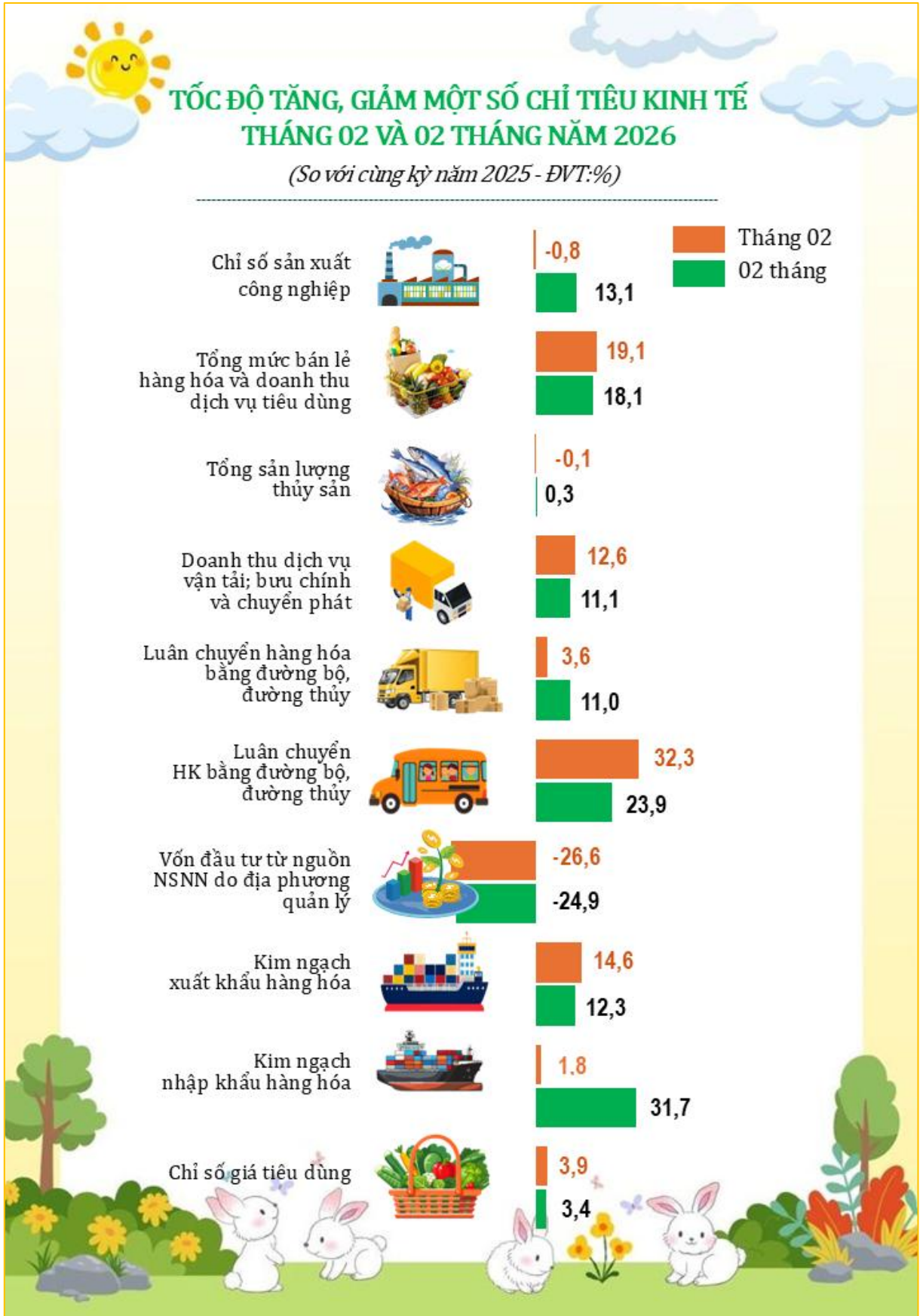
thongke.danang.gov.vn



tonghopdha@nso.gov.vn



0236.3827680



NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN



Người trồng hoa vào vụ Tết



Lúa

43.700 ha

▼ 0,2%



Ngô

4.360 ha

▲ 1,4%



Đậu tương

31 ha

▲ 3,3%



**Khoai
lang**

500 ha

▼ 4,8%



Lạc

7.300 ha

▲ 0,7%



Rau, đậu

6.710 ha

▲ 2,4%

Lĩnh vực thủy sản



Tổng sản lượng

23.466 tấn

▲ 0,3%



Khai thác

20.286 tấn

▲ 0,1%



Nuôi trồng

3.180 tấn

▲ 1,0%

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng

(Tấn)



7.937



332



2.197

Lĩnh vực lâm nghiệp



Sản lượng gỗ
rừng trồng
khai thác

166 nghìn m³

▼ 6,6%



Sản lượng củi
khai thác

82 nghìn Ste

▼ 6,5%



(▲ ▼ Tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2025)

»» SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP ««



Chỉ số sản xuất công nghiệp 02 tháng đầu năm 2026



Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp 02 tháng năm 2026



(So với cùng kỳ năm 2025)



Đầu tư và đăng ký doanh nghiệp

Tháng 02/2026 ước đạt 640 tỷ đồng, giảm 23,3% so với tháng trước và giảm 26,6% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 02 tháng năm 2026, ước vốn đầu tư thực hiện là 1.475 tỷ đồng, giảm 24,9% so với cùng kỳ, đạt 10,6% so với kế hoạch vốn được giao.

**VĐT thực hiện từ NSNN
do địa phương quản lý**

1.475 tỷ đồng
▼ **24,9%**

**Đầu tư trực tiếp
nước ngoài (FDI)**



21
dự án cấp mới

Cộng dồn từ ngày 21/12/2025 đến ngày 20/02/2026, thành phố thu hút được 34,5 triệu USD (so với cùng kỳ năm 2025 là 47,2 triệu USD), trong đó, có 21 dự án cấp mới với vốn đăng ký cấp mới là 5,7 triệu USD.

Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026, (tính đến 20/02/2026), thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 1.215 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 3.456 tỷ đồng; tăng 79,7% về số doanh nghiệp và tăng 99,5% về số vốn so với cùng kỳ năm 2025.

**DN, cơ sở trực thuộc
thành lập mới**

1.215 DN
▲ **79,7%**





Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

★ Tháng 2/2026, hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố chịu tác động đan xen của yếu tố mùa vụ và nhu cầu mua sắm tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ. Nhờ sự chủ động trong công tác chuẩn bị nguồn hàng, bình ổn thị trường và đẩy mạnh các chương trình kích cầu, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vẫn duy trì mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, dù giảm nhẹ so với tháng trước do thị trường bước qua cao điểm Tết.



(So với cùng kỳ năm 2025)

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA



★ Ước tính tháng 02/2025, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa hai chiều đạt 645 triệu USD, giảm 24,8% so với tháng trước nhưng tăng 7,9% so với tháng cùng kỳ năm 2025. Tính chung 02 tháng đạt 1.502 triệu USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2025.

76

triệu USD

Nhập siêu



XUẤT KHẨU

Tháng 02/2026 ước đạt 325 triệu USD, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 02 tháng ước đạt 713 triệu USD, tăng 12,3%.

713

triệu USD

**Cộng 02
tháng 2026**

▲ **12,3%**



NHẬP KHẨU

Nhập khẩu hàng hóa tháng 02/2026 ước đạt 320 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 02 tháng ước đạt 789 triệu USD, tăng 31,7%.

789

triệu USD

**Cộng 02
tháng 2026**

▲ **31,7%**



VẬN TẢI; BƯU CHÍNH VÀ CHUYỂN PHÁT

Sau giai đoạn cao điểm trước Tết, một số lĩnh vực có xu hướng chững lại so với tháng trước; tuy nhiên, nhờ nhu cầu đi lại tăng cao, sự phục hồi của hoạt động du lịch và đà phát triển ổn định của logistics, toàn ngành vẫn duy trì mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm, hoạt động vận tải và các dịch vụ liên quan tiếp tục khởi sắc, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của khu vực dịch vụ.



Vận tải hành khách

11.259 nghìn lượt
hành khách vận chuyển ▲**23,2%**



476 triệu lượt HK.km
luân chuyển ▲**23,9%**

Vận tải hàng hóa

10.636 nghìn tấn
hàng hóa vận chuyển ▲**10,4%**



1.065 triệu Tấn.km
luân chuyển ▲**11,0%**



Chào đón những du khách tại khu vực Công viên phía Nam bờ Tây cầu Rồng



DU LỊCH

Số lượt khách phục vụ tại các cơ sở lưu trú trong tháng 02 năm 2026 ước đạt 1.205 nghìn lượt, tuy giảm 4,5% so với tháng trước nhưng tăng 6,6% so với tháng cùng kỳ năm 2025. Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 2.466 nghìn lượt, tăng 10,8% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khách trong nước

949 nghìn lượt

▲ 2,6%

Khách quốc tế

1.517 nghìn lượt

▲ 16,6%



Địa điểm du lịch tại Đà Nẵng

(▲ Tăng so với cùng kỳ năm 2025)

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



**Thu - chi
ngân sách
nhà nước**

(tính đến 25/02/2026)



Thu NSNN

13.045 tỷ đồng ▲ **37,1%**



Chi NSNN

10.797 tỷ đồng ▼ **20,4%**

Hoạt động ngân hàng thời điểm 28/02/2026

(so với 31/12/2025)



Huy động vốn của
các tổ chức tín dụng

▲ **1,3%**

Tăng trưởng tín dụng
của nền kinh tế

▲ **2,2%**



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG



Tháng 02 năm 2026 trùng vào dịp tết Nguyên đán Bình Ngô, thành phố Đà Nẵng đã chủ động chuẩn bị nguồn cung hàng hóa thiết yếu và triển khai các chương trình bình ổn giá, góp phần giữ thị trường ổn định. Sức mua hàng hóa và dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên mặt bằng giá nhìn chung vẫn được kiểm soát, không xảy ra biến động tăng đột biến.

CPI tháng 02/2026

tăng **1,16%**
so với tháng 01

tăng **1,25%**
so với tháng 12/2025

tăng **3,93%**
so với cùng kỳ



Bình quân 02 tháng năm 2026

tăng **3,38%** so với cùng kỳ

2/11 nhóm hàng
có CPI giảm so với
cùng kỳ năm 2025

✦ Giao thông

▼ **3,05%**

✦ Thông tin và truyền thông

▼ **0,96%**



Người dân, du khách mua sắm tại chợ Cồn



Phường Điện Bàn trao quà cho gia đình chính sách và người có công với cách mạng



VIỆC LÀM VÀ AN SINH XÃ HỘI

Đảm bảo an sinh xã hội

Thành phố triển khai Kế hoạch tổ chức thăm, tặng quà người có công với cách mạng, thân nhân người có công, các đối tượng chính sách xã hội và đối tượng đặc thù; tổ chức lễ viếng, dâng hương nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; thực hiện việc tặng quà cho người có công và thân nhân theo quy định.



Hội thảo Mở rộng cơ hội đào tạo nghề và việc làm cho người khuyết tật



Giải quyết việc làm

Trong tháng, số người được giới thiệu, kết nối việc làm là 255 người, trong đó 137 người có việc làm (kết quả sơ tuyển thành công). Thành phố đã thẩm định, quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp hằng tháng cho 1.969 trường hợp với tổng số tiền chi trả hơn 51 tỷ đồng. Tính đến ngày 15/02/2026, có 25 lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc.

GIÁO DỤC

Trong tháng, ngành GD&ĐT thành phố tiếp tục triển khai dạy học chương trình học kỳ II của năm học 2025-2026 theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về việc nghỉ Tết, đón xuân Bính Ngọ năm 2026.



Công tác tổ chức hội thi, kỳ thi tiếp tục được thực hiện: tổ chức giải Thể thao học sinh thành phố năm học 2025-2026 môn bóng chuyền; tổ chức bồi dưỡng đối với 07 dự án được chọn tại vòng thi cấp thành phố, chuẩn bị dự thi Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2025-2026.



VĂN HÓA - THỂ THAO



Hội hoa Xuân Bình Ngộ 2026



Chương trình nghệ thuật Đón giao thừa

Thể thao

Thành phố tích cực tổ chức hoạt động luyện tập, thi đấu, tạo sân chơi lành mạnh, góp phần nâng cao sức khỏe Nhân dân và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Việc thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể thao cơ sở được quan tâm, từng bước mở rộng mạng lưới phong trào thể thao quần chúng trên địa bàn.

Văn hóa

Trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngộ 2026, nhiều sự kiện văn hóa, du lịch đặc sắc được tổ chức trước, trong và sau Tết, góp phần tạo không khí vui tươi, phấn khởi và thu hút đông đảo Nhân dân, du khách. Nổi bật là Festival Hoa Xuân, đường hoa, chợ hoa, các không gian Tết truyền thống, chương trình biểu diễn nghệ thuật, trò chơi dân gian và các hoạt động phục vụ vùng ven, vùng xa.



Đà Nẵng đẩy mạnh đăng cai các giải thể thao quy mô quốc tế để phát triển kinh tế thể thao

An toàn giao thông

Bảo vệ môi trường và Phòng chống cháy nổ

An toàn giao thông

(Tính từ 15/12/2025 đến 14/02/2026)



82 vụ TNGT

▼ **14** vụ



44 người chết

▲ **11** người



46 người bị thương

▼ **30** người



Phòng chống cháy nổ

12 vụ

▲ **9,1%**



Giá trị tài sản thiệt hại

692 triệu đồng

Bảo vệ môi trường

177 vụ vi phạm

Số tiền xử phạt

4,0 tỷ đồng

Các hành vi chủ yếu gồm: xả thải vượt chuẩn, khai thác tài nguyên trái phép và vi phạm an toàn thực phẩm.



Số: /BC-TKT

Đà Nẵng, ngày tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Hai năm 2026

Tháng Hai năm 2026, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng tiếp tục ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực, cho thấy đà phục hồi và tăng trưởng ổn định ngay từ đầu năm. Các hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch diễn ra sôi động, đặc biệt trong dịp Tết Nguyên đán, góp phần thúc đẩy tiêu dùng và lưu thông hàng hóa. Bên cạnh đó, thành phố tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng đô thị và đảm bảo an sinh xã hội, tạo nền tảng thuận lợi để thực hiện các mục tiêu phát triển năm 2026.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội tháng Hai, hai tháng đầu năm 2026 tại thành phố Đà Nẵng như sau:

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng Hai và 02 tháng đầu năm 2026, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn thành phố duy trì ổn định trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi. Trồng trọt bảo đảm tiến độ vụ Đông Xuân; chăn nuôi tiếp tục tái đàn, dịch bệnh được kiểm soát; lâm nghiệp và thủy sản triển khai đồng bộ, giữ nhịp sản lượng. Tuy nhiên, một số yếu tố như sâu bệnh cây trồng, nguy cơ phát sinh dịch bệnh vật nuôi, áp lực phòng cháy rừng và biến động thị trường vẫn cần được theo dõi chặt chẽ. Nhìn chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục đóng góp quan trọng vào bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm trên địa bàn.

1.1. Nông nghiệp

a) Lĩnh vực trồng trọt

Trong tháng Hai năm 2026, thời tiết nắng ấm nhìn chung thuận lợi, tạo điều kiện để sản xuất vụ Đông Xuân 2025 - 2026 được triển khai đúng tiến độ và các loại cây trồng sinh trưởng tốt. Tính đến ngày 20/02/2026, toàn thành phố đã gieo trồng trên 70 nghìn ha diện tích cây hằng năm, đạt 85% kế hoạch và bằng 98,9% so với cùng vụ năm trước. Trong đó, diện tích lúa đạt trên 43,7 nghìn ha, tương đương 99,8% so cùng vụ năm trước (-100 ha) và đạt 99,3% so với kế hoạch. Đối với các cây hằng năm khác, diện tích ngô đạt gần 4,4 nghìn ha, tăng 1,4% (+60 ha); lạc 7,3 nghìn ha, tăng 0,7% (+50 ha); rau các loại 4,9 nghìn ha, tăng 3,2% (+150 ha); đậu các loại hơn 1,8 nghìn ha, tăng 0,6% (+10 ha). Riêng khoai lang đạt 500 ha, giảm 4,8% (-25 ha) so với cùng kỳ năm trước. Hiện các địa phương tiếp tục tập trung làm đất, vệ sinh đồng ruộng và xuống giống diện tích còn lại. Nhìn chung, các loại cây trồng đã xuống giống sinh trưởng phát triển tốt.

Bên cạnh những kết quả tích cực, tình hình sâu bệnh trên cây trồng trong tháng Hai và 02 tháng đầu năm 2026 có xu hướng phát sinh rải rác, cục bộ tại một số địa phương. Trên cây lúa xuất hiện bọ trĩ gây hại ở các chân ruộng sạ muộn; sâu phao tại ruộng sạ sớm; chuột gây hại diện rộng trên nhiều trà lúa; ngoài ra còn có ruồi đục nõn, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, sâu năn... Một số diện tích lúa ghi nhận hiện tượng ngộ độc phèn, thiếu dinh dưỡng. Đối với rau màu, sâu xanh, sâu khoang, sâu tơ, bọ nhảy, rầy mềm cùng các bệnh đốm lá, gỉ trắng, thối nhũn xuất hiện rải rác trên rau ăn lá và quả. Cây lạc bị ảnh hưởng bởi sâu xám, sâu cuốn lá và các bệnh lở cổ rễ, héo rũ gốc mốc trắng, mốc đen, héo xanh vi khuẩn, đốm lá; cây ngô có sâu xám và sâu keo mùa thu gây hại ở mức độ phân tán.

Trong thời gian tới, để đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất vụ Đông Xuân và tạo nền tảng cho các tháng tiếp theo, các địa phương cần tiếp tục tăng cường chỉ đạo, điều hành và phối hợp chặt chẽ với các ngành chuyên môn trong tổ chức sản xuất. Đồng thời, chủ động theo dõi sát diễn biến thời tiết và sinh vật gây hại để kịp thời hướng dẫn nông dân áp dụng các biện pháp phòng trừ phù hợp, hiệu quả. Việc triển khai sản xuất cần tuân thủ đúng cơ cấu giống, lịch thời vụ và gắn với định hướng phát triển nông nghiệp an toàn, bền vững, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất trong hai tháng đầu năm 2026.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong tháng Hai diễn ra sôi động trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ thịt và trứng tăng cao, đặc biệt vào dịp Tết Nguyên đán. Chăn nuôi gia cầm tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. Đối với chăn nuôi lợn, sau giai đoạn chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi trong 6 tháng cuối năm 2025, hoạt động tái đàn được đẩy mạnh; nhiều doanh nghiệp, trang trại và gia trại quy mô lớn duy trì sản xuất ổn định và từng bước mở rộng đầu tư. Giá lợn hơi trong tháng tăng mạnh, có thời điểm đạt 80.000 đồng/kg do nguồn cung trước đó suy giảm, qua đó tạo lợi nhuận và động lực khôi phục sản xuất. Trong khi đó, chăn nuôi bò sau nhiều tháng tăng trưởng khá đã chững lại trong tháng Hai do nhu cầu tiêu thụ thịt bò thay thế thịt lợn giảm dần khi nguồn cung lợn cải thiện; đàn trâu và sản lượng xuất chuồng tiếp tục xu hướng giảm, cho thấy quy mô chăn nuôi nhóm vật nuôi này đang thu hẹp.

Về quy mô đàn, cơ cấu vật nuôi tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng ở các nhóm chủ lực, giảm ở nhóm hiệu quả kinh tế thấp. Tính tại thời điểm đầu tháng 02/2026, đàn trâu đạt 48,8 nghìn con, giảm 2,4% (-1,2 nghìn con) so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò đạt hơn 190 nghìn con, tăng 1,6% (+03 nghìn con). Đàn lợn đạt 385 nghìn con, tăng 4,9% (+18 nghìn con), cho thấy xu hướng phục hồi rõ nét. Tổng đàn gia cầm đạt 9,2 triệu con, tăng 2,2% (+203 nghìn con), trong đó đàn gà trên 7 triệu con, tăng 2,5% (+174 nghìn con). Trên nền tảng quy mô đàn tương đối ổn định, sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng Hai ghi nhận mức tăng ở phần lớn sản phẩm chủ yếu: thịt lợn hơi đạt hơn 4 nghìn tấn (+7,5%); thịt gia cầm hơi đạt 2,3 nghìn tấn (+4,3%), trong đó thịt gà gần 1,9 nghìn tấn (+4,8%). Riêng thịt bò hơi đạt trên 1,1 nghìn tấn (+3,9%), còn thịt trâu hơi đạt 166,4 tấn (-1,0%) so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, hoạt động chăn nuôi duy trì xu hướng tăng trưởng ổn định, với động lực chính từ nhóm vật nuôi có vòng quay nhanh và nhu cầu tiêu thụ cao. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 7,9 nghìn tấn (+7,1%) so với cùng kỳ năm trước; thịt gia cầm hơi đạt 4,5 nghìn tấn (+3,8%), trong đó thịt gà đạt 3,7 nghìn tấn (+4,2%); sản lượng thịt bò hơi đạt gần 2,2 nghìn tấn (+3,4%); riêng thịt trâu hơi đạt 332 tấn (-1,3%), phù hợp với xu hướng giảm quy mô đàn. Nhìn chung, tình hình chăn nuôi trên địa bàn tương đối thuận lợi, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát¹; các cơ sở sản xuất chú trọng công tác phòng, chống dịch, đảm bảo vệ sinh chuồng trại và an toàn thức ăn. Mặc dù vẫn tiềm ẩn rủi ro về dịch bệnh và biến động giá cả, kết quả đạt được cho thấy hoạt động sản xuất đang dần ổn định, góp phần bảo đảm nguồn cung thực phẩm và duy trì sinh kế cho người dân khu vực nông thôn.

1.2. Lâm nghiệp

Thời tiết trên địa bàn nhìn chung ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động lâm nghiệp. Các địa phương tập trung triển khai công tác chăm sóc rừng trồng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ diện tích rừng hiện có. Sau Tết Nguyên đán, các sở, ngành, hội đoàn thể và UBND các xã, phường đồng loạt phát động phong trào “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp xuân Bính Ngọ 2026, tạo khí thế thi đua sôi nổi ngay từ đầu năm. Hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên rừng mà còn hướng tới mục tiêu cải thiện môi trường sinh thái, chỉnh trang cảnh quan và phát triển đô thị theo hướng xanh, bền vững. Song song đó, các đơn vị chức năng đã tổ chức gieo ươm nhiều loại cây giống để cung ứng cho các địa phương, đơn vị tham gia Chương trình trồng 01 tỷ cây xanh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời đáp ứng một phần nhu cầu gỗ phục vụ đời sống dân sinh.

Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt hơn 1,9 nghìn ha, tăng 6,4% (+115 ha) so với cùng kỳ năm 2025; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 1,9 triệu cây, tăng 3,9% (+71 nghìn cây), chủ yếu thực hiện trên diện tích sau khai thác trắng và phần diện tích bị thiệt hại cuối năm trước chưa kịp trồng lại. Trong khi đó, diện tích rừng đến tuổi khai thác trong những tháng đầu năm giảm do nhiều chủ rừng đã chủ động thu hoạch vào cuối năm trước nhằm hạn chế rủi ro do mưa bão và thiên tai. Vì vậy, sản lượng khai thác lâm sản trong 02 tháng đầu năm 2026 có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước: sản lượng gỗ đạt xấp xỉ 166 nghìn m³, giảm 6,6% (-11,8 nghìn m³); sản lượng củi đạt trên 82 nghìn ste, giảm 6,5% (-5,7 nghìn ste).

Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm, đặc biệt là nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô. Các địa phương và lực lượng chức năng tăng cường tuyên truyền, tổ chức tuần tra, kiểm tra thường xuyên nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, nhất là tình trạng lấn chiếm đất rừng. Trong 02 tháng đầu năm 2026, đã

¹ Dịch tả lợn Châu Phi: xảy ra tại 03 thôn, 06 hộ, trọng lượng tiêu hủy 2,9 tấn; bệnh đại động vật: 01 ổ dịch, tiêu hủy 01 con chó; viêm da nổi cục trên trâu bò: 01 ổ dịch, 06 con bò mắc bệnh. Các ổ dịch đều được phát hiện sớm, xử lý kịp thời theo đúng quy định, không để lây lan diện rộng.

phát hiện và xử lý 01 vụ phá rừng với diện tích thiệt hại 1,09 ha; không xảy ra vụ cháy rừng. Nhìn chung, hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn được triển khai đồng bộ, góp phần giữ vững độ che phủ rừng và bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

1.3. Thủy sản

Điều kiện thời tiết trên địa bàn tương đối thuận lợi cho cả hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản. Sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, ngư dân khẩn trương mở biển trở lại; một số tàu công suất nhỏ khai thác gần bờ xuất hành từ ngày 17/02 (mùng 01 Tết), trong khi các tàu công suất lớn vươn khơi từ ngày 20 - 22/02 (mùng 04 - 06 Tết). Nhờ đó, hoạt động sản xuất được duy trì ổn định ngay từ đầu năm. Tổng sản lượng thủy sản trong tháng Hai ước đạt hơn 12 nghìn tấn, giảm nhẹ 0,1% (-13 tấn)² so với cùng kỳ năm trước; trong đó sản lượng cá ước đạt 8,7 nghìn tấn (-0,2%); tôm ước đạt 835 tấn (+0,8%); thủy sản khác ước đạt 2,6 nghìn tấn (-0,2%). Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 23,5 nghìn tấn, tăng 0,3% (+63 tấn) so với cùng kỳ năm 2025.

Hoạt động khai thác tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu sản lượng toàn ngành. Riêng tháng Hai, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 10,5 nghìn tấn, giảm 0,1% (-14 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026, sản lượng khai thác ước đạt 20,3 nghìn tấn, tăng 0,1% (+30 tấn); trong đó khai thác biển đạt 19,8 nghìn tấn, tăng 0,1% (+19 tấn). Cơ cấu sản lượng khai thác biển gồm: cá đạt 14,7 nghìn tấn, xấp xỉ cùng kỳ năm trước; tôm đạt 429 tấn (+2,9%); thủy sản khác đạt 4,7 nghìn tấn, tăng nhẹ 0,02% so với cùng kỳ năm trước. Các nghề khai thác chủ yếu gồm: lưới rê tầng mặt, lưới rê tầng đáy, vây ánh sáng, vây ngày...; đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao như cá ngừ, cá thu, cá nục, cá cơm, cá trích, mực... tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng.

Bên cạnh khai thác, nuôi trồng thủy sản duy trì mức tăng khá và có xu hướng phát triển ổn định. Sản lượng nuôi trồng thủy sản 02 tháng đầu năm 2026 ước đạt 3,2 nghìn tấn, tăng 1,0% (+33 tấn) so với cùng kỳ năm trước; trong đó cá đạt gần 1,9 nghìn tấn (+0,8%); tôm đạt 1,2 nghìn tấn (+1,2%); thủy sản khác đạt 137 tấn (+3,0%). Nuôi trồng thủy sản nước ngọt tập trung vào các đối tượng chủ lực như cá trắm cỏ, rô phi, diêu hồng, lóc, mè, chép, chim trắng...; nuôi tôm lột lột được duy trì quanh năm tại các xã, phường ven biển. Giá tôm thẻ thương phẩm hiện ở mức cao (khoảng 160.000 đồng/kg, loại 100 con/kg) đã khuyến khích người dân mở rộng thả nuôi; đến nay tôm phát triển bình thường, chưa ghi nhận dịch bệnh. Các cơ sở sản xuất và lưu giữ tôm giống thực hiện nghiêm quy định về kiểm dịch và lưu thông giống, bảo đảm chất lượng cung ứng cho người nuôi. Đồng thời, các ngành chức năng tăng cường giám sát, hướng dẫn kỹ thuật thả giống đúng lịch thời vụ và quản lý ao nuôi nhằm hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Lĩnh vực công nghiệp

Trong 02 tháng đầu năm 2026, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực. Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo

² Do kỳ nghỉ Tết trong tháng 2/2026, nên thời gian hoạt động không nhiều.

hướng giảm dần tỷ trọng khai khoáng, tăng tỷ trọng hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo. Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục giữ vai trò chủ lực trong thúc đẩy tăng trưởng sản xuất và tạo việc làm cho người lao động.

Do tháng Hai năm 2026 trùng kỳ nghỉ Tết Nguyên đán nên thời gian hoạt động thực tế của các đơn vị sản xuất kinh doanh ít hơn tháng trước và cùng kỳ năm trước, vì vậy hầu hết các nhóm ngành đều giảm. Dự ước tháng 02/2026, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giảm 10% so với tháng trước và giảm 0,8% so với tháng cùng kỳ năm 2025. Xét theo ngành kinh tế cấp I, nhóm khai khoáng giảm lần lượt (-25,9%) và (-59,7%); công nghiệp chế biến, chế tạo (-9,2%) và (-0,5%); ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (-26,8%) và (-5,6%). Riêng ngành Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng này chủ yếu do nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, thu gom và xử lý rác thải tăng cao trong dịp Tết, đặc biệt tại các khu dân cư, trung tâm thương mại và cơ sở lưu trú du lịch. Bên cạnh đó, hoạt động du lịch, dịch vụ sôi động trong kỳ nghỉ lễ cũng góp phần làm gia tăng sản lượng cung cấp nước và khối lượng xử lý chất thải, qua đó duy trì đà tăng trưởng của ngành trong bối cảnh các ngành sản xuất khác chịu tác động giảm do thời gian hoạt động ít hơn.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026, ngành công nghiệp ước tăng 13,1% so với cùng kỳ. Trong đó, 3/4 nhóm ngành đạt mức tăng trưởng gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo (+14,0%) giữ vai trò động lực chính; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (+2,2%); cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (+6,8%); ngành Khai khoáng tiếp tục giảm mạnh (-43,1%) do chính sách quản lý tài nguyên ngày càng chặt chẽ. Tuy nhiên, do tỷ trọng của ngành Khai khoáng trong cơ cấu toàn ngành công nghiệp ngày càng thu hẹp nên mức giảm của ngành này cũng không làm thay đổi xu hướng tăng trưởng chung.

Sự phục hồi tích cực của các đơn hàng trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt là đơn hàng xuất khẩu đã tạo điều kiện để doanh nghiệp nhanh chóng ổn định nhịp độ sản xuất, củng cố dòng tiền và chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất - kinh doanh theo hướng trung và dài hạn. Trên cơ sở đó, các doanh nghiệp mạnh dạn mở rộng quy mô, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị trong sản phẩm. Với đà tăng trưởng của ngành chế biến, chế tạo không chỉ đóng vai trò động lực chính của toàn ngành công nghiệp mà còn tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực sang các ngành liên quan như: điện, nước và xử lý môi trường, góp phần duy trì hoạt động ổn định của hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thúc đẩy tăng trưởng chung của khu vực công nghiệp trên địa bàn.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng Hai và 02 tháng năm 2026 có mức tăng trưởng cao so cùng kỳ phải kể đến: phi lê cá và các loại thịt cá khác tươi, ướp lạnh (+66,7%) và (+258,3%); mực đông lạnh (+40,0%) và (+52,9%); bia đóng chai (+54,4%) và (+29,8%); quần áo nghề nghiệp (+130,8%) và (+191,2%); các sản phẩm tương tự túi xách (+47,3%) và (+37,8%); bao bì và túi bằng giấy (+46,7%) và (+54,4%); bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đâu (+42,8%)

và +33,1%)... Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm có khối lượng sản xuất giảm do những yếu tố khách quan về thị hiếu và nhu cầu của thị trường hiện nay, điển hình như: đá xây dựng khác (-82,1%) và (-66,9%); cát tự nhiên khác (-63,8%) và (-52,7%); phi lê đông lạnh (-45,0%) và (-29,3%); nước ngọt (-22,6%) và (-14,3%); chỉ may làm từ sợi tơ (-55,3%) và (-23,4%); vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên (-45,2%) và (-34,6%)...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo dự kiến tháng Hai năm 2026 giảm lần lượt 34,8% so với tháng trước và giảm 12,4% so với tháng cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân giảm do thời gian sản xuất thực tế trong tháng bị rút ngắn bởi kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. So với tháng trước và tháng cùng kỳ một số nhóm ngành có mức giảm khá sâu phải kể đến: dệt (-36,9%) và (-43,8%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (-30,1%) và (-32,9%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-28,0%) và (-15,3%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-52,3%) và (-31,7%)... Mặt khác, mặc dù thời gian hoạt động của nhiều doanh nghiệp chỉ đạt khoảng 2/3 so với cùng kỳ nhưng một số sản phẩm vẫn duy trì mức tiêu thụ tăng khá, góp phần thu hẹp đà giảm chung của chỉ số sản xuất và tiêu thụ trong tháng. Cụ thể: sản xuất đồ uống (+60,3%); sản xuất trang phục (+12,7%); in, sao chép bản ghi các loại (+53,5%); sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (+38,7%)...

Chỉ số tồn kho ngành chế biến, chế tạo tính đến cuối tháng Hai năm 2026 tăng 3,5% so với tháng trước và giảm sâu 49,2% so với tháng cùng kỳ năm 2025. Trong đó, một số ngành chủ lực có mức tồn kho giảm sâu so với cùng kỳ tác động mạnh đến chỉ số tồn kho chung, cụ thể: sản xuất chế biến thực phẩm (-28,6%); dệt (-42,2%); sản xuất trang phục (-36,5%); sản xuất kim loại (-85,5%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (-96,4%)... Bên cạnh đó cũng có khá nhiều mặt hàng có mức tồn kho cao do doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm để đáp ứng kịp thời đơn hàng đã ký kết, như: sản xuất đồ uống (+67,0%); sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá (+182,0%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+19,4%); sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (+133,7%)...

Trong tháng Hai năm 2026, *chỉ số sử dụng lao động* của các doanh nghiệp công nghiệp ghi nhận mức tăng nhẹ (tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2025). Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, chỉ số lao động tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy thị trường lao động trong khu vực công nghiệp duy trì xu hướng phục hồi nhưng với tốc độ còn chậm. Xét theo loại hình doanh nghiệp, lao động trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 4,4% và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 5,5% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của khu vực tư nhân và khu vực FDI trong tạo việc làm cho người lao động. Trái lại, khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm mạnh 30,9%, làm thu hẹp đáng kể quy mô lao động chung của khối này.

3. Thương mại và dịch vụ

Tháng Hai năm 2026, hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố chịu tác động đan xen của yếu tố mùa vụ và nhu cầu mua sắm tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ. Nhờ sự chủ động trong công tác chuẩn bị nguồn hàng, bình ổn thị trường và đẩy mạnh các chương trình kích cầu, tổng mức

bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng vẫn duy trì mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, dù giảm nhẹ so với tháng trước do thị trường bước qua cao điểm Tết. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, hoạt động thương mại - dịch vụ tiếp tục khởi sắc, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của thành phố.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Hai năm 2026 ước đạt 21.137 tỷ đồng, giảm 7,5% so với tháng trước nhưng tăng 19,1% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 43.995 tỷ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 25.897 tỷ đồng (+19,0%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 9.252 tỷ đồng (+15,5%); doanh thu du lịch lữ hành (sau khi trừ chi hộ) đạt 629 tỷ đồng (+15,9%); doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 8.217 tỷ đồng (+18,5% so với cùng kỳ năm trước).

3.1. Lĩnh vực thương mại hàng hóa

Tháng Hai năm 2026, hoạt động bán lẻ trên địa bàn thành phố diễn ra sôi động trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ nhờ sự chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm cân đối cung - cầu, ổn định giá cả và giữ vững thị trường. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại chuẩn bị nguồn hàng phong phú, đa dạng, đẩy mạnh khuyến mại, kích cầu tiêu dùng; đồng thời các hoạt động như Hội chợ Xuân và các phiên chợ đưa hàng Việt về khu vực miền núi không chỉ góp phần quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường mà còn đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm tăng cao của người dân, kể cả ở vùng khó khăn.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Hai năm 2026 ước đạt 12.283 tỷ đồng, giảm 9,8% so với tháng trước nhưng tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại ước đạt 1.150 tỷ đồng, giảm 4,3% so với tháng trước nhưng tăng 38,4% so với cùng kỳ.

So với tháng trước, có 2 nhóm hàng hóa có doanh thu tăng gồm nhóm lương thực, thực phẩm (+7,1%) và xăng, dầu các loại (+2,4%). Các nhóm sản phẩm còn lại chủ yếu giảm, gồm: hàng hóa khác (-2,3%); nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) (-6,3%); hàng may mặc (-8,4%); đá quý, kim loại quý và sản phẩm (-14,5%); vật phẩm văn hóa, giáo dục (-17,2%); sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ (-18,0%); đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình (-18,9%); gỗ và vật liệu xây dựng (-27,7%); phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) (-38,9%); ô tô các loại (-39,8%).

So với cùng kỳ tháng 2/2025, doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 22,4%, trong đó, các nhóm hàng có mức tăng cao hơn mức bình quân chung gồm: hàng may mặc (+33,4%); đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình (+31,8%); hàng hóa khác (+30,7%); lương thực, thực phẩm (+29,0%); sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ (+24,0%). Ngược lại, có 2 nhóm hàng giảm so với cùng kỳ, gồm: phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) (-1,4%) và ô tô các loại (-11,1%).

Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 25.897 tỷ đồng, chiếm 58,9% trong tổng mức và tăng 19,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại ước đạt 2.352 tỷ đồng, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2025. So với cùng kỳ năm 2025, doanh thu tất cả các nhóm hàng đều

tăng, trong đó một số nhóm đạt mức tăng cao hơn mức bình quân chung, gồm: đá quý, kim loại quý và sản phẩm (+47,2%); gỗ và vật liệu xây dựng (+24,5%); phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) (+21,0%); hàng hóa khác (+20,7%); sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ (+20,1%); hàng may mặc (+19,6%).

Tháng Hai năm 2026, *hoạt động bán buôn* trên địa bàn thành phố chịu ảnh hưởng rõ của yếu tố mùa vụ khi Tết Nguyên đán Bính Ngọ rơi vào tháng 2. Phần lớn hàng hóa phục vụ cao điểm Tết đã được doanh nghiệp dự trữ, phân phối từ tháng trước, nên sau giai đoạn tăng mạnh, doanh thu bán buôn tháng này giảm so với tháng trước do nghỉ lễ và sức mua chững lại. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước, hoạt động bán buôn vẫn tăng khá nhờ nhu cầu tiêu dùng và sự phục hồi của sản xuất - xây dựng, trong đó một số nhóm hàng như đồ gia dụng, văn hóa - giáo dục, vật liệu xây dựng ghi nhận mức tăng cao, góp phần duy trì tăng trưởng tích cực trong 2 tháng đầu năm.

Doanh thu bán buôn hàng hóa tháng Hai năm 2026 ước đạt 20.293 tỷ đồng, giảm 23,7% so với tháng trước nhưng tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, tổng mức bán buôn hàng hóa ước đạt 46.882 tỷ đồng, tăng 20,0% so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ năm trước, một số nhóm hàng có mức tăng cao hơn mức tăng bình quân chung, gồm: đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+40,0%); vật phẩm văn hoá, giáo dục (+38,5%); hàng hoá khác (+36,0%); gỗ và vật liệu xây dựng (+24,1%).

3.2. Hoạt động du lịch

Trong 2 tháng đầu năm 2026, hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố diễn ra sôi động nhờ hiệu ứng tích cực từ mùa cao điểm Tết Nguyên đán và chuỗi sự kiện, lễ hội, chương trình kích cầu được tổ chức đồng bộ. Các lĩnh vực lưu trú, ăn uống, lữ hành và dịch vụ hỗ trợ du lịch có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa trải nghiệm nhằm thu hút và giữ chân du khách. Mặc dù tháng 2 chịu tác động nhất định của yếu tố mùa vụ khi nhu cầu du lịch có sự điều chỉnh so với tháng trước, song nhìn chung toàn ngành vẫn duy trì đà tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt ở phân khúc khách quốc tế và thị trường nội địa. Kết quả này tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của du lịch trong cơ cấu dịch vụ, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng của thành phố.

a) Dịch vụ lưu trú và ăn uống

Trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, cùng với chuỗi hoạt động, lễ hội và chương trình kích cầu du lịch được tổ chức đồng bộ, lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống trên địa bàn thành phố diễn ra sôi động, ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Các cơ sở lưu trú chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng trải nghiệm cá nhân hóa nhằm giữ chân du khách; trong khi đó, hệ thống nhà hàng, quán ăn phục vụ tốt nhu cầu ẩm thực, gặp gỡ, sum họp dịp đầu năm. Tuy nhiên, do đặc thù tháng 2 trùng với kỳ nghỉ Tết âm lịch, một bộ phận người dân ưu tiên về quê hoặc hạn chế chi tiêu du lịch dài ngày, cùng với chi phí đi lại tăng cao, nên lượng khách và doanh thu có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Dù vậy, nhờ nền tảng

tăng trưởng từ thị trường quốc tế và sức hút của các sự kiện đầu năm, toàn ngành vẫn duy trì mức tăng khá so với cùng kỳ, tiếp tục đóng góp quan trọng vào tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của thành phố.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng Hai năm 2026 ước đạt 4.530 tỷ đồng, giảm 4,1% so với tháng trước nhưng tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 1.356 tỷ đồng, giảm 4,9% so với tháng trước nhưng tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2025; doanh thu dịch vụ ăn uống đạt 3.173 tỷ đồng, giảm 3,7% so với tháng trước nhưng tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Cộng dồn 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 9.252 tỷ đồng, chiếm 21,0% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 2.782 tỷ đồng (+12,3%); dịch vụ ăn uống đạt 6.469 tỷ đồng (+17,0%).

Tổng số lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ trong tháng Hai năm 2026 ước đạt 1.205 nghìn lượt, giảm 4,5% so với tháng trước nhưng tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, khách quốc tế đạt 737 nghìn lượt (giảm 5,3% so với tháng trước; tăng 10,4% so với cùng kỳ), khách trong nước đạt 468 nghìn lượt (giảm 3,1% so với tháng trước; tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2025). Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, tổng lượt khách cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 2.466 nghìn lượt, tăng 10,8% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó, khách quốc tế ước đạt 1.517 nghìn lượt, tăng 16,6%; khách trong nước đạt 949 nghìn lượt, tăng 2,6%.

Ước tháng Hai năm 2026, lượt khách ngủ qua đêm đạt 1.074 nghìn lượt, giảm 4,5% so với tháng trước nhưng tăng 7,7% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế ước đạt 735 nghìn lượt và khách trong nước ước đạt 339 nghìn lượt. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, lượt khách ngủ qua đêm ước đạt 2,2 triệu lượt (+12,4%); trong đó, khách quốc tế ngủ qua đêm ước đạt 1,5 triệu lượt (+16,5%); khách trong nước ngủ qua đêm ước đạt 687 nghìn lượt (+4,3% so với cùng kỳ năm 2025).

Số ngày lưu trú bình quân của khách ngủ qua đêm tính chung 2 tháng đầu năm 2026 là 1,84 ngày/lượt; trong đó, khách quốc tế là 1,90 ngày/lượt và khách trong nước là 1,69 ngày/lượt (cùng kỳ năm 2025: 1,85 ngày/lượt đối với khách chung; 1,92 ngày/lượt đối với khách quốc tế và 1,69 ngày/lượt đối với khách trong nước).

b) Hoạt động lễ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch

Trong bối cảnh mùa cao điểm Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 với nhiều hoạt động, sự kiện kích cầu và sản phẩm du lịch đặc sắc được triển khai đồng bộ, hoạt động lễ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch trên địa bàn thành phố tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực. Các chương trình quảng bá, đón khách “xông đất”, khai thác tàu biển quốc tế, cùng chuỗi lễ hội văn hóa - du lịch đặc trưng đã góp phần thu hút cả thị trường nội địa và quốc tế. Mặc dù lượng khách tháng 2 có sự điều chỉnh so với tháng trước do yếu tố mùa vụ và đặc thù nghỉ Tết âm lịch, song nhờ sự chủ động của doanh nghiệp trong xây dựng sản phẩm và liên kết thị trường, doanh thu và lượt khách theo tour vẫn duy trì tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động du lịch những tháng tiếp theo.

Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành (sau khi trừ chi hộ) tháng Hai năm 2026 ước đạt 317 tỷ đồng, tăng 1,6% so với tháng trước và tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu hoạt động này ước đạt 629 tỷ đồng, chiếm 1,4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm 2025.

Số lượt khách du lịch theo tour do cơ sở lữ hành phục vụ trong tháng Hai năm 2026 ước đạt 106,5 nghìn lượt, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 45,6 nghìn lượt, giảm 0,4% so với tháng trước và tăng 4,3% so với cùng kỳ; khách trong nước ước đạt 54,7 nghìn lượt, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 16,8% so với cùng kỳ.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, lượt khách du lịch theo tour ước đạt 211,9 nghìn lượt, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 91,4 nghìn lượt (+9,2%); khách trong nước ước đạt 108,5 nghìn lượt (+16,8%); khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài đạt 12,0 nghìn lượt (+2,0% so với cùng kỳ năm trước).

3.3. Dịch vụ tiêu dùng khác

Tháng Hai năm 2026, hoạt động các nhóm ngành dịch vụ khác trên địa bàn thành phố chịu tác động đan xen của yếu tố mùa vụ trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Không khí mua sắm, vui chơi, làm đẹp và du lịch dịp Tết góp phần duy trì sự sôi động của thị trường; tuy nhiên, khi bước sang tháng Giêng âm lịch, tâm lý thận trọng đầu năm cùng thời gian nghỉ lễ kéo dài đã khiến một số lĩnh vực chững lại so với tháng trước, notably là kinh doanh bất động sản và giáo dục - đào tạo. Dù vậy, nhờ đà phục hồi sau Tết và xu hướng thị trường ngày càng phân hóa, sàng lọc theo hướng thực chất, các nhóm ngành vẫn ghi nhận mức tăng tích cực so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, bất động sản tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng, hoạt động nghệ thuật và vui chơi giải trí hưởng lợi từ lượng khách du lịch tăng, còn các nhóm hành chính, hỗ trợ và y tế duy trì mức tăng ổn định.

Đối với lĩnh vực kinh doanh bất động sản, diễn biến tháng Hai năm 2026 phản ánh rõ tính chất mùa vụ của thị trường. Việc giảm so với tháng trước chủ yếu do rơi vào thời điểm đầu năm âm lịch - giai đoạn người dân hạn chế thực hiện các giao dịch giá trị lớn và hoàn tất thủ tục pháp lý. Tuy nhiên, so với cùng kỳ, lĩnh vực này vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao, cho thấy thị trường đang dần chuyển sang trạng thái ổn định hơn sau giai đoạn tăng nóng, với sự phân hóa rõ rệt giữa các phân khúc. Phân khúc căn hộ và chung cư tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt nguồn cung mới, đáp ứng nhu cầu ở thực và lực lượng lao động chất lượng cao. Trong trung và dài hạn, cùng với lợi thế về cảng biển, logistics và định hướng phát triển công nghệ cao, thị trường bất động sản thành phố được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng bền vững, đóng góp tích cực cho khu vực dịch vụ.

Theo đó, tổng doanh thu dịch vụ khác tháng hai năm 2026 ước đạt 4.008 tỷ đồng, giảm 4,8% so với tháng trước nhưng tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, dịch vụ kinh doanh bất động sản (tính cho tiêu dùng cuối cùng) đạt 1.469 tỷ đồng, giảm 11,7% so với tháng trước và tăng 29,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, tổng doanh thu nhóm ngành dịch vụ khác đạt 8.217 tỷ đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2025. Riêng dịch vụ kinh doanh bất động sản tiếp tục dẫn đầu về quy mô doanh thu với 3.132 tỷ đồng (+36,4%); kế đến là dịch vụ nghệ thuật, vui chơi giải trí đạt 1.671 tỷ đồng (+12,1%); giáo dục và đào tạo đạt 934 tỷ đồng (+5,2%); dịch vụ hành chính và hỗ trợ đạt 973 tỷ đồng (+8,3%); y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 724 tỷ đồng (+7,3%).

3.4. Dịch vụ vận tải, kho bãi; bưu chính và chuyển phát

Tháng Hai năm 2026, hoạt động vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát trên địa bàn thành phố chịu tác động đan xen của yếu tố mùa vụ Tết Nguyên đán. Sau giai đoạn cao điểm trước Tết, một số lĩnh vực có xu hướng chững lại so với tháng trước; tuy nhiên, nhờ nhu cầu đi lại tăng cao, sự phục hồi của hoạt động du lịch và đà phát triển ổn định của logistics, toàn ngành vẫn duy trì mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm, hoạt động vận tải và các dịch vụ liên quan tiếp tục khởi sắc, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng chung của khu vực dịch vụ, đồng thời cho thấy khả năng thích ứng linh hoạt của doanh nghiệp trước biến động mùa vụ và yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Tổng doanh thu ngành vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát³ tháng 2/2026 ước đạt 2.757 tỷ đồng, giảm 10,4% so với tháng trước và tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, tổng doanh thu toàn ngành đạt 5.834 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vận tải hành khách đạt 897 tỷ đồng (+22,1%), vận tải hàng hóa đạt 1.954 tỷ đồng (+7,3%), dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 2.781 tỷ đồng (+10,3%), và dịch vụ bưu chính - chuyển phát đạt 201 tỷ đồng (+15,7% so với cùng kỳ năm trước).

a) Vận tải hành khách

Trong thời điểm trước, trong và sau Tết Nguyên đán, nhu cầu đi lại của người dân tăng mạnh, nhất là đối với sinh viên, người lao động và cán bộ, công chức về quê sum họp gia đình, thăm hỏi đầu xuân và sau đó quay trở lại thành phố để làm việc, học tập. Song song đó, cao điểm du lịch đầu năm cùng với sự phục hồi rõ nét của thị trường khách quốc tế – được hỗ trợ bởi các chính sách nới lỏng và mở rộng thị thực – tiếp tục tạo lực đẩy cho hoạt động vận tải hành khách. Nhờ vậy, vận tải hành khách trên địa bàn thành phố duy trì nhịp tăng trưởng tích cực cả so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, đóng góp quan trọng vào kết quả chung của ngành trong những tháng đầu năm.

Trong tháng Hai năm 2026, doanh thu vận tải hành khách bằng đường bộ và đường thủy trên địa bàn thành phố ước đạt 453 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 27,7% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu của hai loại hình vận tải này ước đạt 897 tỷ đồng, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng vận chuyển hành khách bằng đường bộ và đường thủy trong tháng 2/2026 ước đạt 5,7 triệu lượt, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 29,8% so với cùng kỳ năm 2025. Khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 233,3 triệu lượt hành

³ Chưa bao gồm vận tải hàng không, đường sắt

khách.km, giảm 4,0% so với tháng trước nhưng tăng 32,3% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, tổng khối lượng vận chuyển hành khách đạt 11,3 triệu lượt, tăng 23,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, vận tải đường bộ tăng 24,0% và đường thủy nội địa tăng 12,0%. Khối lượng luân chuyển hành khách cộng dồn 2 tháng đầu năm 2026 đạt 476,3 triệu lượt hành khách.km, tăng 23,9%; trong đó, đường thủy nội địa tăng 16,9% và đường bộ tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước.

b) Vận tải hàng hóa

Tháng Hai năm 2026 trùng với thời điểm nghỉ Tết Nguyên đán nên hoạt động vận tải hàng hóa có xu hướng chững lại sau giai đoạn cao điểm của tháng 1. Nhu cầu nhập hàng và tiêu dùng giảm mạnh khi bước vào những ngày cuối năm âm lịch; các doanh nghiệp chủ yếu tập trung hoàn tất các đơn hàng đã ký trước đó, hạn chế phát sinh hợp đồng mới. Bên cạnh đó, việc một số đơn vị tái cơ cấu, thu hẹp quy mô hoạt động cùng với tác động của Nghị định 168/2024/NĐ-CP đã phần nào ảnh hưởng đến tiến độ giao nhận và lưu thông hàng hóa. Tuy vậy, so với cùng kỳ năm trước, hoạt động vận tải hàng hóa vẫn duy trì được đà tăng trưởng nhẹ, cho thấy khả năng thích ứng tương đối linh hoạt của doanh nghiệp và nền tảng phục hồi tích cực của ngành trong những tháng đầu năm.

Doanh thu vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy tháng Hai năm 2026 ước đạt 898 tỷ đồng, giảm 14,9% so với tháng trước nhưng tăng nhẹ 0,9% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu vận tải hàng hóa đạt 1.954 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2025.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ và đường thủy trong tháng Hai năm 2026 ước đạt 4,8 triệu tấn, giảm 16,7% so với tháng trước nhưng tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2025. Khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 486,9 triệu tấn.km, giảm 15,8% so với tháng trước nhưng tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy đạt 10,6 triệu tấn, tăng 10,4% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 1.065,2 triệu tấn.km, tăng 11,0% so với cùng kỳ năm 2025.

c) Dịch vụ hỗ trợ vận tải; hoạt động bưu chính và chuyển phát

Trong các tháng trước Tết Nguyên đán, hoạt động bưu chính, chuyển phát và dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng trưởng mạnh nhờ nhu cầu mua sắm qua thương mại điện tử, đặt vé và lưu trữ hàng hóa gia tăng. Tuy nhiên, bước sang tháng Hai năm 2026 trùng với thời điểm nghỉ Tết nên nhu cầu kho bãi, vận tải và chuyển phát có xu hướng giảm so với tháng trước, làm doanh thu toàn nhóm dịch vụ này chững lại. Dù vậy, so với cùng kỳ năm trước, lĩnh vực này vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ quá trình đầu tư, nâng cấp hạ tầng logistics, ứng dụng công nghệ trong quản lý và theo dõi đơn hàng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Trong tháng Hai năm 2026, doanh thu từ hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát trên địa bàn thành phố ước đạt 1.405 tỷ đồng, giảm 36,1% so với tháng trước và tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu hoạt động này đạt 2.982 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- *Hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải* chiếm tỷ trọng chủ yếu, với doanh thu tháng Hai năm 2026 đạt 1.320 tỷ đồng, giảm 9,7% so với tháng trước và tăng 17,5% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu đạt 2.781 tỷ đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2025.

- *Hoạt động bưu chính và chuyển phát* trong tháng Hai năm 2026 đạt doanh thu 85 tỷ đồng, giảm 26,4% so với tháng trước nhưng tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026, doanh thu đạt 201 tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2025.

4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Hoạt động đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn Đà Nẵng diễn ra sôi động, nổi bật với số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh và đạt mức đột phá so với cùng kỳ. Động lực gia tăng tập trung ở nhiều lĩnh vực thương mại, dịch vụ và xây dựng, góp phần mở rộng quy mô khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn. Diễn biến tích cực trong tháng đã bổ sung thêm nguồn lực sản xuất, kinh doanh cho nền kinh tế thành phố, đồng thời tạo thêm dư địa cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu theo hướng năng động, hiện đại.

Trong tháng Hai năm 2026 (tính từ ngày 21/01/2026 đến 20/02/2026), thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 650 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 1.866 tỷ đồng; tăng 85,7% về số doanh nghiệp và tăng 134,4% về số vốn so với cùng kỳ năm 2025.

Tính từ đầu năm đến ngày 20/02/2026, thành phố đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 1.124 doanh nghiệp và 91 chi nhánh, văn phòng đại diện, với tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 3.456 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2025, số doanh nghiệp thành lập mới tăng 79,7% và tổng vốn đăng ký tăng 99,5%, cho thấy tín hiệu phục hồi và mở rộng sản xuất, kinh doanh khá tích cực ngay trong những tháng đầu năm. Xét theo cơ cấu ngành nghề, hoạt động đăng ký mới tiếp tục tập trung chủ yếu ở khu vực thương mại và dịch vụ. Dẫn đầu là ngành bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác với 420 doanh nghiệp, đồng thời cũng là ngành có quy mô vốn đăng ký lớn nhất, đạt 789 tỷ đồng. Đứng thứ hai là ngành xây dựng với 120 doanh nghiệp thành lập mới, phản ánh kỳ vọng vào sự phục hồi của thị trường bất động sản và gia tăng nhu cầu đầu tư hạ tầng. Tiếp theo là ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống với 111 doanh nghiệp, thể hiện đà khởi sắc rõ nét của hoạt động du lịch và dịch vụ trên địa bàn.

Bên cạnh số doanh nghiệp thành lập mới gia tăng mạnh, hoạt động tái gia nhập thị trường cũng diễn ra sôi động. Tính từ đầu năm đến ngày 20/02/2026, có 1.073 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện quay trở lại hoạt động, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2025. Sự gia tăng này gắn với quá trình tái cơ cấu và ổn định hoạt động của nhiều doanh nghiệp sau giai đoạn điều chỉnh chiến lược hoặc tạm ngừng do khó khăn, qua đó từng bước khôi phục sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, bức tranh doanh nghiệp vẫn tồn tại những gam màu trầm. Theo đó, số đơn vị đăng ký tạm ngừng hoạt động đạt 3.945 doanh nghiệp, chi nhánh và văn phòng đại diện, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, 382 đơn vị đã

hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 156,4%. Diễn biến này cho thấy quá trình sàng lọc trên thị trường đang diễn ra rõ nét hơn, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và chi phí đầu vào còn nhiều biến động.

Đáng chú ý, ngành bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tuy đứng đầu về số lượng doanh nghiệp thành lập mới, nhưng đồng thời cũng ghi nhận số lượng rút lui cao nhất, với 1.076 doanh nghiệp tạm ngừng và 65 doanh nghiệp giải thể. Thực tế này cho thấy mức độ cạnh tranh trong khu vực thương mại rất lớn; rào cản gia nhập thị trường tương đối thấp dẫn đến số lượng doanh nghiệp đông, trong khi biên lợi nhuận dễ bị thu hẹp bởi biến động sức mua, chi phí vận hành và thay đổi trong hành vi tiêu dùng.

5. Giá cả thị trường

5.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Tháng Hai năm 2026 trùng vào dịp tết Nguyên đán Bính Ngọ, thành phố Đà Nẵng đã chủ động chuẩn bị nguồn cung hàng hóa thiết yếu và triển khai các chương trình bình ổn giá, góp phần giữ thị trường ổn định. Sức mua hàng hóa và dịch vụ tăng so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên mặt bằng giá nhìn chung vẫn được kiểm soát, không xảy ra biến động tăng đột biến. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02 năm 2026 tăng 1,16% so với tháng trước, tăng 3,93% so với tháng 02 năm 2025, tăng 1,25% so với tháng 12 năm 2025 và tăng 6,39% so với kỳ gốc năm 2024. CPI bình quân 02 tháng năm 2026 tăng 3,38% so với bình quân cùng kỳ năm 2025.

Trong mức tăng 1,16% của CPI tháng 02 năm 2026 so với tháng trước, có 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng, 01 nhóm giá bình ổn so với tháng trước.

(1) 10 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm:

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,22% so với tháng trước, chủ yếu do tác động của nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong dịp tết Nguyên đán. Trong đó, giá bưu ảnh tăng 3,96% do nhu cầu sử dụng tăng vào dịp cuối năm; thiết bị, dụng cụ thể thao tăng 0,62% khi các chương trình khuyến mãi kết thúc; hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng mạnh 12,62% do nhu cầu trang trí Tết tăng cao; bên cạnh đó, dịch vụ du lịch trọn gói tăng 0,64% so với tháng trước.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,89% so với tháng trước. Trong đó: lương thực tăng 0,62%⁴; nhóm thực phẩm tăng 2,40%⁵; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 1,43%⁶.

⁴ Trong đó, giá gạo tăng 0,39% (gạo tẻ thường tăng 0,30%; gạo tẻ ngon tăng 0,48%; gạo nếp tăng 1,82%) do nguồn cung một số loại giảm nhẹ so với tháng trước. Bên cạnh đó, giá bột mì và ngũ cốc tăng 3,87% do nhu cầu ngô, khoai, sản phục vụ cúng cuối năm tăng cao; lương thực chế biến tăng 0,62%.

⁵ Trong đó, giá thịt lợn tăng 10,02%, thịt bò tăng 3,86%, thịt gia cầm tăng 3,69%, thịt chế biến tăng 5,31%; thủy sản tươi sống và chế biến tăng lần lượt 4,57% và 2,46%. Giá quả tươi, chế biến tăng 5,54% do nhu cầu cúng và chưng Tết tăng; các nhóm bánh mứt kẹo, gia vị, đường mật, chè - cà phê - cacao và sữa tăng nhẹ do chi phí đầu vào tăng. Ngược lại, giá rau các loại giảm mạnh 14,92% nhờ nguồn cung dồi dào; trứng giảm 1,74% do sản lượng tăng; dầu mỡ ăn giảm 0,08% do khuyến mãi kích cầu.

⁶ Trong đó, ăn ngoài gia đình tăng 1,56%, uống ngoài gia đình tăng 0,99% và đồ ăn mang đi tăng 1,21%.

- Nhóm giao thông tăng 1,75% so với tháng trước, chủ yếu do tác động của các đợt điều chỉnh giá xăng dầu trong nước và nhu cầu đi lại tăng cao vào dịp tết Nguyên đán. Trong đó, giá dầu diesel tăng 6,34%, xăng tăng 1,99%, giá xe ô tô mới tăng 0,27%, xe máy tăng 1,02% và xe đạp tăng 0,26%. Giá vận tải hành khách tăng mạnh, đặc biệt vận tải hàng không tăng 21,07%, vận tải đường bộ tăng 6,16%; dịch vụ giao nhận, hành lý ký gửi tăng 9,85%. Bên cạnh đó, giá phụ tùng tăng 0,80% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; dịch vụ bảo dưỡng phương tiện và các dịch vụ khác đối với phương tiện cá nhân tăng lần lượt 2,83% và 6,59%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,51% so với tháng trước, chủ yếu do một số mặt hàng và dịch vụ tăng giá dịp cuối năm. Cụ thể, đồ dùng cá nhân tăng 1,01% (máy dùng điện chăm sóc cá nhân tăng 0,30%; dụng cụ cá nhân không dùng điện tăng 0,14%; hàng chăm sóc cơ thể tăng 0,05%; túi xách, vali tăng 0,99%); đồ trang sức tăng mạnh 12,52% do giá vàng trên thị trường tăng. Bên cạnh đó, dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 5,67% do các dịch vụ làm tóc, làm đẹp điều chỉnh giá; dịch vụ hiếu hỉ tăng 0,81% do chi phí đầu vào tăng.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,34%, chủ yếu do chi phí nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất tăng. Trong đó, giá rượu tăng 3,8%, bia tăng 2,12%, nước khoáng và nước có gas tăng 0,16%, thuốc lá tăng 0,11%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,22% so với tháng trước. Trong đó, giá vải các loại tăng 1,05%; quần áo may sẵn tăng 1,27% (quần áo nam tăng 1,25%, quần áo nữ tăng 0,21%; quần áo bé trai và bé gái tăng lần lượt 3,51% và 2%; quần áo trẻ sơ sinh tăng 0,52%). Các mặt hàng may mặc khác tăng 1,32%; mũ nón tăng 0,9%; giày dép tăng 1,07%. Bên cạnh đó, dịch vụ may mặc và dịch vụ sửa chữa giày dép tăng lần lượt 1,55% và 1,72% do nhu cầu tăng vào dịp cuối năm.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,54%, chủ yếu do chi phí sản xuất và nhân công tăng. Một số mặt hàng có mức tăng đáng kể như: máy điều hòa tăng 0,65%; tủ lạnh tăng 0,71%; đồ dùng nấu ăn tăng 1,13%; đồng hồ treo tường, để bàn tăng 2,14%; hàng thủy tinh, sành sứ tăng 1,23%; hàng dệt trong gia đình tăng 0,41%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,34%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,41%. Bên cạnh đó, dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,97%; dịch vụ trong gia đình tăng 4,39% do nhu cầu thuê người phục vụ dịp cuối năm tăng cao.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng giảm giá nhờ các chương trình khuyến mãi như: máy giặt giảm 0,45%; thiết bị gia đình khác giảm 0,5%; đồ dùng bằng kim loại giảm 0,04%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,47% so với tháng trước, chủ yếu do một số mặt hàng năng lượng và dịch vụ điều chỉnh tăng giá. Cụ thể, giá dầu hỏa tăng 4,29% theo các đợt điều chỉnh trong tháng; giá gas tăng 2,53% do từ ngày 01/02/2026 giá gas tăng 11 nghìn đồng/bình 12kg (từ 435 nghìn đồng lên 446 nghìn đồng/bình). Giá thuê nhà tăng 0,61% do nhu cầu thuê và mặt bằng giá bất động sản tăng; giá nước sinh hoạt tăng 0,13% do nhu cầu sử dụng cao hơn tháng trước. Bên cạnh đó, một số dịch vụ tăng giá vào dịp cuối năm như: dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,09%; dịch vụ liên quan đến nước sinh hoạt tăng 2,48%.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,11% so với tháng trước. Trong đó, nhóm thiết bị thông tin và truyền thông tăng 0,06%, gồm: điện thoại di động thông minh tăng 0,03%; phụ kiện điện thoại tăng 0,21%; sửa chữa điện thoại tăng 2,86%; máy vi tính và phụ kiện tăng 0,13%. Bên cạnh đó, dịch vụ viễn thông tăng 0,14% so với tháng trước.

- Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,04%. Trong đó, giá một số loại thuốc tăng do chi phí sản xuất đầu vào tăng, làm cho chỉ số giá thuốc tăng 0,12%; cụ thể, thuốc tim mạch tăng 0,24%, thuốc chống dị ứng tăng 0,81%, thuốc giảm đau tăng 0,82% và thuốc đường tiêu hóa tăng 0,04%.

(2) Duy nhất nhóm giáo dục có chỉ số giá bình ổn không tăng, không giảm so với tháng trước.

CPI tháng Hai năm 2026 so với cùng kỳ năm trước tăng 3,93% và tăng ở 09 nhóm các nhóm hàng hóa và dịch vụ. Nhóm tăng mạnh nhất là nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+8,45%); tiếp đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+5,31%); giáo dục (+4,58%), văn hóa giải trí và du lịch (+4,39%), hàng hóa và dịch vụ khác (+4,37%); các nhóm: đồ uống và thuốc lá, may mặc, thiết bị và đồ dùng gia đình, thuốc và dịch vụ y tế có mức tăng dao động dưới 4%. Riêng hai nhóm giao thông và thông tin truyền thông có CPI lần lượt giảm (-3,05%) và (-0,96%) so với cùng kỳ năm trước.

CPI bình quân 02 tháng năm 2026 tăng 3,38% so với bình quân cùng kỳ năm 2025. Trong đó, 09/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng: nhóm tăng mạnh nhất là nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+8,51%); giáo dục (+4,58%); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4,26%); hàng hóa và dịch vụ khác (+3,66%); văn hóa, giải trí và du lịch (+3,46%); đồ uống và thuốc lá (+2,65%); may mặc, mũ nón, giày dép (+2,16%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+1,25%); thuốc và dịch vụ y tế (+0,65%). Riêng hai nhóm giao thông và thông tin truyền thông có CPI lần lượt giảm (-3,72%) và (-1,02%) so với bình quân cùng kỳ năm trước.

5.2. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

- **Chỉ số giá vàng:** trước bối cảnh giá vàng quốc tế tăng mạnh do tâm lý phòng ngừa rủi ro gia tăng và nhu cầu trú ẩn an toàn của nhà đầu tư, giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Đồng thời, nhu cầu mua sắm và tích trữ vàng của người dân tăng cao vào dịp tết Nguyên đán đã góp phần làm cho chỉ số giá vàng trong tháng 02/2026 tăng 12,13% so với tháng trước và tăng mạnh 90,45% so với cùng kỳ năm trước, tăng 18,62% so với tháng 12/2025. Bình quân 02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ, chỉ số giá vàng tăng 84,29%.

- **Chỉ số giá đô la Mỹ:** trong tháng Hai năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ giảm nhẹ 0,84% so với tháng trước; tăng 2,47% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,92% so với tháng 12 năm 2025. Bình quân 02 tháng năm 2026 so với cùng kỳ, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,91%.

6. Hoạt động ngân hàng

Hoạt động ngân hàng trên địa bàn thành phố được điều hành theo hướng an toàn, hiệu quả, góp phần ổn định kinh tế - xã hội; trong đó, tín dụng được định hướng

tập trung vào sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, đồng thời kiểm soát chặt chẽ đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, gắn với việc triển khai các chủ trương lớn của Trung ương, trong đó có Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

6.1. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay

Trong tháng Hai năm 2026, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn tiếp tục được kiểm soát phù hợp với định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam.

Lãi suất huy động: các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn thành phố thực hiện nghiêm quy định của NHNN về lãi suất, niêm yết công khai tại các điểm giao dịch. Mặt bằng lãi suất huy động tại các TCTD tiếp tục duy trì ở mức thấp. Lãi suất huy động đối với tiền gửi không kỳ hạn và dưới 01 tháng phổ biến ở mức 0,1% - 0,2%/năm; kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng ở mức 3,3 - 4,3%/năm. Lãi suất huy động đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng phổ biến ở mức 4,6% - 5,8%/năm; từ trên 12 tháng phổ biến ở mức 5,8% - 6,1%/năm.

Lãi suất cho vay: tuân thủ định hướng điều hành lãi suất của NHNN Việt Nam, các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 5,5% - 7,5%/năm, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa VND đối với các lĩnh vực ưu tiên là 4,0%/năm, lãi suất cho vay trung và dài hạn phổ biến ở mức 8,0% - 10,5%/năm.

6.2. Tình hình hoạt động huy động vốn

Trong tháng Hai năm 2026, hoạt động huy động vốn trên địa bàn thành phố tăng trưởng ổn định. Ước đến cuối tháng 02 năm 2026, tổng nguồn huy động vốn trên địa bàn đạt 390.114 tỷ đồng, tăng 1,3% so với cuối năm 2025. Trong đó, huy động vốn từ tiền gửi (không bao gồm nguồn vốn huy động từ phát hành giấy tờ có giá) ước đạt 385.611 tỷ đồng, tăng 1,3% so với cuối năm 2025.

Xét cơ cấu theo loại tiền tệ, tiền gửi VND chiếm ưu thế tuyệt đối (với 96,7% tổng tiền gửi), đạt 372.828 tỷ đồng, tăng 1,2% so với cuối năm 2025. Tiền gửi ngoại tệ (quy đổi VND) đạt 12.783 tỷ đồng, tăng 6,0% so với cuối năm 2025. Về hình thức huy động: tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn tiếp tục là kênh chủ đạo với 308.332 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cuối năm 2025; tiền gửi thanh toán đạt 77.279 tỷ đồng, tăng 5,9% so với thời điểm cuối năm 2025.

6.3. Hoạt động cho vay trên địa bàn

Ước đến cuối tháng Hai năm 2026, dư nợ cho vay đối với thành phần kinh tế trên địa bàn đạt 459.352 tỷ đồng, tăng 2,2% so với cuối năm 2025.

Theo loại tiền, dư nợ bằng VND chiếm tỷ trọng chủ đạo (98,3%), đạt 451.477 tỷ đồng, tăng 2,0% so với cuối năm 2025; dư nợ ngoại tệ (quy đổi VND) đạt 7.875 tỷ đồng, chiếm 1,7%, tăng 19,2% so với cuối năm 2025. Xét theo kỳ hạn, dư nợ ngắn hạn đạt 218.046 tỷ đồng (chiếm 47,5%), tăng 1,7% so với cuối năm 2025; dư nợ trung và dài hạn đạt 241.306 tỷ đồng (chiếm 52,5%), tăng 2,7% so với cuối năm 2025.

7. Ngân sách nhà nước

Năm 2026 là năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025-2030, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển mới. Trong bối cảnh đó, công tác tài chính - ngân sách cần thực sự phát huy vai trò là công cụ điều hành vĩ mô quan trọng, là đòn bẩy khơi thông và huy động hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, thành phố Đà Nẵng phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng từ 10% trở lên.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến ngày 25/02/2026 đạt 13.044,6 tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó, thu ngân sách trung ương đạt 2.427,2 tỷ đồng, thu ngân sách địa phương đạt 10.616,9 tỷ đồng. Thu nội địa tiếp tục là nguồn thu chủ lực, đạt 12.886,5 tỷ đồng, chiếm 98,8% tổng thu, tạo cơ sở bảo đảm cân đối ngân sách trong năm. Các khoản thu chiếm tỷ trọng lớn tập trung chủ yếu ở khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, thuế thu nhập cá nhân và thu từ nhà, đất.

Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn sơ bộ đến ngày 25/02/2026 đạt 10.796,8 tỷ đồng, giảm 20,4% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, chi ngân sách trung ương đạt 3.852,3 tỷ đồng, chi ngân sách địa phương đạt 6.944,5 tỷ đồng. Công tác điều hành chi ngân sách trong thời gian đầu năm được thực hiện chặt chẽ, linh hoạt, bám sát tiến độ thu ngân sách. Cơ cấu chi chủ yếu là chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển, các nhiệm vụ quốc phòng, giáo dục - đào tạo và quản lý hành chính được chú trọng, góp phần bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội và cân đối ngân sách địa phương.

Trong thời gian tới, công tác tài chính - ngân sách của thành phố tiếp tục được định hướng theo hướng chủ động, linh hoạt và hiện đại; không chỉ bảo đảm cân đối thu - chi an toàn, bền vững mà còn đóng vai trò dẫn dắt, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việc tăng cường quản lý thu, cơ cấu lại chi ngân sách, ưu tiên đầu tư phát triển và an sinh xã hội, cùng với đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và hoàn thiện cơ chế đặc thù sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công, củng cố nền tảng tài chính vững chắc, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn mới.

8. Đầu tư

Công tác giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của Đà Nẵng và đã được các cấp, ngành triển khai tích cực, đồng bộ ngay từ đầu năm. Tuy nhiên, do thời điểm đầu năm chủ yếu tập trung phân bổ kế hoạch vốn, thực hiện lựa chọn nhà thầu và chuẩn bị các điều kiện thi công... nên tỷ lệ giải ngân trong tháng 02 và 02/2026 vẫn chưa đáp ứng tiến độ kế hoạch đề ra.

8.1. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

Trong 02 tháng đầu năm 2026, công tác triển khai kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn Đà Nẵng được thực hiện với tinh thần chủ động và quyết liệt ngay từ đầu năm. Các công trình, dự án đồng loạt tổ chức thi công; công tác chỉ đạo, điều hành

được tăng cường; các chủ đầu tư phối hợp chặt chẽ với sở, ngành, địa phương nhằm bảo đảm tiến độ và mục tiêu giải ngân theo kế hoạch.

Tuy nhiên, tiến độ thực hiện trong tháng Hai năm 2026 chịu tác động đáng kể của kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, dẫn đến gián đoạn thi công tại nhiều dự án. Mặc dù đã có kế hoạch tổ chức thi công trước và sau Tết, song thời gian nghỉ kéo dài và việc tập trung hoàn thiện thủ tục đầu tư khiến khối lượng thực hiện phát sinh thấp, ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị giải ngân trong kỳ.

Cụ thể, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Hai năm 2026 ước đạt 640,1 tỷ đồng, tương đương 4,6% kế hoạch vốn năm, giảm 23,3% so với tháng trước và giảm 26,6% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế 02 tháng đầu năm, vốn thực hiện ước đạt 1.475,1 tỷ đồng, bằng 10,6% kế hoạch năm và giảm 24,9% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy tiến độ giải ngân đầu năm còn chậm so với yêu cầu.

Xét theo cơ cấu nguồn vốn, vốn cân đối ngân sách cấp tỉnh ước đạt 1.065 tỷ đồng, bằng 55,6% so với cùng kỳ, trong khi vốn cân đối ngân sách cấp xã đạt gần 410 tỷ đồng, gấp 8,4 lần cùng kỳ năm 2025, phản ánh sự gia tăng đáng kể quy mô thực hiện ở cấp cơ sở. Tuy vậy, mức tăng này chưa đủ bù đắp sự sụt giảm chung của toàn bộ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng giải ngân thấp là do nhiều dự án đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục đầu tư, điều chỉnh kế hoạch vốn và tổ chức lựa chọn nhà thầu, các dự án khởi công mới chưa phát sinh khối lượng, trong khi các dự án chuyển tiếp tiếp tục triển khai theo tiến độ nhưng giai đoạn đầu năm giải ngân vốn còn chậm.

Trong thời gian tới, thành phố tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tái khởi động thi công sau Tết, tập trung nghiệm thu khối lượng hoàn thành, hoàn thiện hồ sơ thanh toán và tháo gỡ vướng mắc về thủ tục nhằm cải thiện tiến độ giải ngân, phấn đấu hoàn thành kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 theo mục tiêu đề ra.

8.2. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước

Trong 02 tháng đầu năm, Đà Nẵng tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư trong và ngoài nước với nhiều hoạt động xúc tiến, kết nối và cải thiện môi trường kinh doanh. Thành phố chủ động rà soát quỹ đất, hoàn thiện hạ tầng và tháo gỡ vướng mắc về thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai dự án. Song song đó, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và định hướng thu hút có chọn lọc, ưu tiên lĩnh vực công nghệ cao, đô thị thông minh và phát triển bền vững được thực hiện nhất quán. Những nỗ lực này góp phần củng cố niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, từng bước nâng cao vị thế và sức hấp dẫn đầu tư của thành phố trong giai đoạn mới.

Về thu hút đầu tư trong nước, trong khoảng thời gian từ ngày 21/01/2026 đến 20/02/2026, Đà Nẵng ghi nhận tổng vốn đầu tư đạt 28.814 tỷ đồng, cao gấp 12 lần so với cùng kỳ năm 2025, tạo bước tăng trưởng nổi bật ngay từ những tháng đầu năm. Kết quả này cho thấy quy mô dòng vốn đăng ký mới có sự bứt phá rõ rệt, tập trung vào các dự án có tính chất động lực và khả năng lan tỏa lớn.

Trong đó, thành phố đã cấp mới 10 dự án với tổng vốn đăng ký 28.453 tỷ đồng, tăng 03 dự án và gấp 20 lần về số vốn so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, dự án Khu đô thị hỗn hợp phía Nam trục Nguyễn Tất Thành tại phường Quảng Phú, với diện tích hơn 296 ha, vừa được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng vốn gần 18 nghìn tỷ đồng. Dự án định hướng phát triển thành khu đô thị hiện đại, tích hợp đa dạng loại hình nhà ở, thương mại - dịch vụ và hệ thống không gian xanh. Bên cạnh các dự án cấp mới, trong tháng còn ghi nhận 01 dự án điều chỉnh tăng vốn với mức bổ sung 361 tỷ đồng, góp phần nâng tổng quy mô đầu tư thực hiện trên địa bàn.

Tính từ đầu năm đến ngày 20/02/2026, thành phố đã thu hút tổng vốn đầu tư đạt 34.779 tỷ đồng, gấp 7 lần so với cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, có 22 dự án cấp mới với tổng vốn đăng ký 31.335 tỷ đồng, tăng 11 dự án và gấp 20 lần về số vốn so với cùng kỳ năm 2025. Ngoài ra, có 04 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng thêm 3.841 tỷ đồng⁷.

Về thu hút đầu tư nước ngoài, trong tháng 02/2026 (từ ngày 21/01 đến 20/02/2026), Đà Nẵng thu hút 5,3 triệu USD vốn FDI, giảm 87,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thành phố cấp mới 11 dự án với tổng vốn đăng ký 5,2 triệu USD; tuy tăng thêm 02 dự án nhưng quy mô vốn giảm 29,0%. Hoạt động điều chỉnh vốn ghi nhận 04 dự án với mức tăng bổ sung 0,1 triệu USD, thấp hơn đáng kể so với cùng kỳ năm 2025 khi có 02 dự án điều chỉnh với tổng vốn tăng thêm 35,0 triệu USD.

Lũy kế từ đầu năm đến 20/02/2026, tổng vốn FDI đăng ký đạt 34,5 triệu USD, giảm 27,1% so với cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, thành phố cấp mới 21 dự án, tăng 31,3% về số lượng; tuy nhiên, tổng vốn đăng ký đạt 5,7 triệu USD, giảm 52,4%, cho thấy các dự án mới chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, phát sinh 12 dự án điều chỉnh vốn với tổng mức tăng thêm 23,5 triệu USD, nhiều hơn 06 dự án so với cùng kỳ nhưng số vốn bổ sung giảm 33,2%⁸.

Đáng chú ý, hoạt động góp vốn, mua cổ phần và phần vốn góp trong tổ chức kinh tế diễn ra tích cực với 05 lượt, tổng giá trị 5,3 triệu USD, cao hơn đáng kể so với 04 lượt và 0,1 triệu USD của cùng kỳ năm trước. Diễn biến trên cho thấy dòng vốn ngoại tiếp tục duy trì sự hiện diện trên địa bàn, song quy mô đăng ký trong kỳ chưa xuất hiện các dự án lớn mang tính đột phá; xu hướng gia tăng về số lượng dự án và lượt góp vốn tạo cơ sở để mở rộng hợp tác đầu tư trong các tháng tiếp theo.

Trong khuôn khổ Tuần lễ Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), Đà Nẵng đã tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư với chủ đề “Đà Nẵng: Điểm hội tụ mới của dòng vốn xanh và tài chính số”. Thông qua sự kiện này, thành phố giới thiệu tầm nhìn phát triển gắn với xu thế kinh tế xanh và chuyển đổi số đang định hình lại dòng chảy đầu tư

⁷ Tháng 02/2025 (từ ngày 21/01-20/02/2025), thành phố Đà Nẵng thu hút được 2.335 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước; trong đó, cấp mới 07 dự án với tổng vốn 1.410 tỷ đồng; phát sinh 04 lượt dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng 925 tỷ đồng. Tính từ ngày 21/12/2024-20/02/2025, thành phố đã thu hút được 5.015 tỷ đồng; trong đó, cấp mới 11 dự án với vốn đăng ký mới đạt 1.598 tỷ đồng; 10 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng thêm 3.417 tỷ đồng.

⁸ Trong tháng 02/2025 (từ ngày 21/01-20/02/2025), thành phố thu hút được 42,3 triệu USD vốn FDI; trong đó, 09 dự án cấp mới với tổng vốn đạt 7,3 triệu USD; có 02 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng thêm 35,0 triệu USD; phát sinh 03 lượt góp vốn mua cổ phần với giá trị 0,02 triệu USD. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 20/02/2025, Đà Nẵng thu hút được 47,2 triệu USD; cụ thể, 16 dự án cấp mới với vốn cấp mới đạt 12,0 triệu USD; 06 dự án điều chỉnh vốn với tổng vốn tăng thêm 35,2 triệu USD; 04 lượt góp vốn, giá trị 0,1 triệu USD.

toàn cầu. Song song đó, nhiều cuộc làm việc song phương với các tập đoàn và tổ chức quốc tế được triển khai, tập trung vào mục tiêu hình thành trung tâm tài chính quốc tế và xây dựng hệ sinh thái tài sản số vận hành theo chuẩn mực minh bạch, an toàn. Các phiên thảo luận đi sâu vào hoàn thiện thể chế, thiết kế cơ chế thử nghiệm chính sách, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

Với lợi thế về vị trí kinh tế, hạ tầng ngày càng hoàn thiện và môi trường đầu tư cởi mở, Đà Nẵng được nhìn nhận là điểm đến tiềm năng của dòng vốn chất lượng cao. Nhiều nhà đầu tư đánh giá tích cực quyết tâm cải cách và tầm nhìn chiến lược của thành phố, coi đây là nền tảng quan trọng để nâng cao vai trò và vị thế trên bản đồ tài chính khu vực trong thời gian tới.

8.3. Tình hình triển khai một số công trình trọng điểm

Dự án Chống xói lở và bảo vệ bền vững bờ biển Hội An có tổng mức đầu tư 982 tỷ đồng (tương đương 42 triệu euro). Dự án được khởi công xây dựng tháng 03/2025 bao gồm 2 hợp phần. Trong đó, hợp phần 1 tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; phạm vi xây dựng công trình từ cửa sông đoạn cầu tàu đi Cù Lao Chàm dọc về hướng Bắc đến biên phía Bắc của Khách sạn Victoria dài khoảng 3,393 km. Năm 2026, dự án được phân bổ 484 tỷ đồng trong đó: 64 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh, còn lại 420 tỷ đồng từ nguồn vốn nước ngoài (ODA). Tính chung khối lượng thực hiện dự án từ khi khởi công đến cuối tháng 02/2026 ước đạt 559 tỷ đồng bằng 56,9% tổng mức đầu tư, trong đó giá trị thực hiện trong tháng 02/2026 ước đạt 28 tỷ đồng bằng 5,8% kế hoạch năm.

Dự án hoàn thiện đường ven biển 129 (đường Võ Chí Công) với tổng mức đầu tư hơn 2.056 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 1.558 tỷ đồng; ngân sách địa phương hơn 498,7 tỷ đồng). Mục tiêu của dự án nhằm hoàn thiện hạ tầng giao thông ven biển, kết nối liên vùng giữa Đà Nẵng - Hội An - Chu Lai - Quảng Ngãi; tăng cường năng lực vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực ven biển Miền trung; góp phần thúc đẩy du lịch, thu hút đầu tư, đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực ven biển. Năm 2026, dự án được phân bổ kế hoạch vốn 488,46 tỷ đồng trong đó: 38,46 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo mục tiêu, còn lại 450 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh. Dự ước từ khi khởi công đến cuối tháng 02/2026 giá trị thực hiện 1.006 tỷ đồng bằng 48,9% tổng vốn đầu tư, trong đó giá trị thực hiện trong tháng 02/2026 ước đạt 30 tỷ đồng bằng 6,1% kế hoạch.

Tuyến đường kết nối đường vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan thuộc địa điểm Khu vực phía Tây thành phố Đà Nẵng (phía sau Khu Công nghệ cao). Dự án tăng cường kết nối hạ tầng giao thông khu vực phía Tây thành phố với tuyến cao tốc La Sơn - Túy Loan; hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng, phục vụ phát triển Khu Công nghệ cao và các khu chức năng lân cận. Với quy mô đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đồng bộ từ đường vành đai phía Tây đến cao tốc La Sơn - Túy Loan với tổng mức đầu tư 1.654,5 tỷ đồng. Dự ước từ khi khởi công đến cuối tháng 02/2026 giá trị thực hiện 814,9 tỷ đồng bằng 49,3% tổng vốn đầu tư, trong đó giá trị thực hiện trong tháng 02/2026 ước đạt 23,9 tỷ đồng bằng 6,0% kế hoạch.

Dự án Nâng cấp, cải tạo Công viên 29 tháng 3 đã được Thành ủy, HĐND và UBND thành phố quyết định chủ trương đầu tư với tổng kinh phí gần 673 tỷ đồng do Ban quản lý Đầu tư xây dựng hạ tầng làm chủ đầu tư. Trong đó chi phí xây dựng, thiết bị và chi phí khác là 330 tỷ đồng; chi phí đền bù là 297 tỷ đồng và chi phí dự phòng là 46 tỷ đồng. Dự ước từ khi khởi công đến cuối tháng 02/2026 giá trị thực hiện đạt 513,3 tỷ đồng bằng 76,3% tổng mức đầu tư, trong đó giá trị thực hiện trong tháng 02 năm 2026 đạt 10,9 tỷ đồng bằng 6,0% vốn kế hoạch giao.

9. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, phản ánh sự phục hồi và mở rộng của các hoạt động thương mại quốc tế. Các doanh nghiệp đã chủ động khai thác đơn hàng ngay từ đầu năm, đồng thời tăng cường kết nối thị trường và tối ưu hóa hoạt động logistics nhằm đảm bảo tiến độ giao nhận. Ở chiều ngược lại, nhu cầu nhập khẩu nguyên, vật liệu và thiết bị phục vụ sản xuất tiếp tục được duy trì, tạo nền tảng cho tăng trưởng xuất khẩu trong các tháng tiếp theo. Nhìn chung, bức tranh ngoại thương những tháng đầu năm cho thấy tín hiệu khởi sắc và kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng ổn định trong thời gian tới.

Ước tính tháng 02/2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa hai chiều của thành phố đạt 645 triệu USD. Mặc dù tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2025 nhưng quy mô thương mại trong tháng giảm 24,8% so với tháng trước, chủ yếu do thời điểm rơi vào kỳ nghỉ Tết Nguyên đán khiến số ngày làm việc thực tế giảm, hoạt động sản xuất, giao nhận và thông quan hàng hóa bị gián đoạn. Sự sụt giảm theo tháng vì vậy mang tính chất thời điểm và không phản ánh sự suy giảm về xu hướng phục hồi chung của hoạt động ngoại thương. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 325 triệu USD, giảm 16,2% so với tháng trước, song vẫn tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy năng lực duy trì đơn hàng và khả năng thích ứng của doanh nghiệp tiếp tục được củng cố. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 320 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2025, phản ánh nhu cầu nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất vẫn duy trì ổn định, tạo cơ sở cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu trong các tháng tiếp theo.

Đà phục hồi tích cực và xu hướng tăng trưởng được ghi nhận rõ nét khi tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 1.502 triệu USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 713 triệu USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 789 triệu USD, tăng mạnh 31,7%, cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng của xuất khẩu. Việc nhập khẩu tăng nhanh chủ yếu gắn với nhu cầu bổ sung nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và các dự án đầu tư mới. Cán cân thương mại 02 tháng đầu năm ghi nhận nhập siêu 76 triệu USD; tuy nhiên, mức nhập siêu này phần lớn mang tính chất phục vụ đầu vào cho sản xuất, qua đó tạo nền tảng cho tăng trưởng xuất khẩu và cải thiện cán cân thương mại trong các tháng tiếp theo.

Trong không khí ra quân đầu năm Bính Ngọ 2026, gần 500 container hàng hóa của các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn THACO cùng nhiều doanh nghiệp khu vực

miền Trung đã được xuất khẩu qua Cảng quốc tế Chu Lai đến nhiều thị trường quốc tế. Hoạt động xuất khẩu diễn ra ngay từ những ngày đầu năm đã tạo khí thế khởi đầu sôi động, thể hiện sự chủ động trong kết nối thị trường, tổ chức nguồn hàng và điều phối logistics, qua đó mở ra kỳ vọng tích cực cho hoạt động ngoại thương trong năm 2026. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp đã nhanh chóng quay trở lại hoạt động sau kỳ nghỉ Tết, tập trung thực hiện các đơn hàng đã ký kết và tích cực đàm phán, mở rộng thị trường mới. Sự khởi động đồng loạt và nhịp nhàng của cộng đồng doanh nghiệp được kỳ vọng sẽ góp phần duy trì đà tăng trưởng xuất, nhập khẩu, nâng cao kim ngạch thương mại và cải thiện cán cân thương mại của thành phố trong thời gian tới.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động và giải quyết việc làm

Trong tháng 02/2026, thị trường lao động trên địa bàn thành phố nhìn chung duy trì ổn định, hoạt động tuyển dụng và tìm kiếm việc làm diễn ra sôi động trở lại sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Nhu cầu lao động của các doanh nghiệp tập trung chủ yếu ở các ngành sản xuất, dịch vụ và du lịch; nguồn cung lao động cơ bản đáp ứng yêu cầu tuyển dụng. Công tác hỗ trợ việc làm, bảo hiểm thất nghiệp và quản lý lao động tiếp tục được triển khai đồng bộ, góp phần ổn định việc làm và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Trong tháng, số người được giới thiệu, kết nối việc làm là 255 người, trong đó 137 người có việc làm (kết quả sơ tuyển thành công). Sở Nội vụ và Trung tâm Dịch vụ việc làm đã thẩm định, quyết định hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp hằng tháng cho 1.969 trường hợp với tổng số tiền chi trả hơn 51 tỷ đồng. Tính đến ngày 15/02/2026, có 25 lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc.

Công tác quản lý lao động nước ngoài được thực hiện theo quy định: đã cấp 232 giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài và 15 giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Đồng thời, đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND thành phố ban hành Quy chế phối hợp quản lý người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn.

Trong lĩnh vực an toàn lao động, đã tiếp nhận đăng ký khai báo 10 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động của 32 doanh nghiệp; tiếp nhận đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu của 01 đơn vị. Đồng thời, tổng hợp danh sách tập thể, cá nhân đề xuất khen thưởng về công tác an toàn, vệ sinh lao động để trình cấp có thẩm quyền xem xét; tổng hợp báo cáo tình hình tai nạn lao động và công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2025 trên địa bàn.

Trong tháng, tiếp nhận khai báo 05 vụ tai nạn lao động chết người và đang thực hiện các bước điều tra, xác minh theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra các vụ tai nạn lao động trên địa bàn thành phố.

Công tác quản lý quan hệ lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội được triển khai theo quy định. Trong tháng, đã tiếp nhận, thẩm định và hướng dẫn xây dựng nội quy lao động cho 89 doanh nghiệp; tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể của 27 doanh nghiệp; tiếp nhận thông báo làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của 18 doanh nghiệp.

2. Thực hiện chính sách Đề ơn đáp nghĩa và bảo trợ xã hội

Trong tháng, Thành phố triển khai Kế hoạch tổ chức thăm, tặng quà người có công với cách mạng, thân nhân người có công, các đối tượng chính sách xã hội và đối tượng đặc thù; tổ chức lễ viếng, dâng hương nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; thực hiện việc tặng quà cho người có công và thân nhân theo quy định.

Công tác tổ chức các hoạt động tri ân được triển khai kịp thời, bảo đảm đúng đối tượng. Đồng thời, phối hợp UBND xã Tam Xuân lựa chọn 25 gia đình chính sách tiêu biểu tại thôn Khương Mỹ để lãnh đạo Trung ương thăm, tặng quà; chuẩn bị điều kiện phục vụ các lãnh đạo Trung ương và thành phố dâng hương, thăm các gia đình chính sách và cơ sở nuôi dưỡng người có công trên địa bàn.

Kết quả, tổng số người có công và thân nhân được nhận quà của Chủ tịch nước trong dịp Tết là 95.172 người, với tổng số tiền 29.171.400.000 đồng.

Bên cạnh đó, công tác giải quyết chế độ, chính sách đối với người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Trong tháng 2, đã giải quyết trợ cấp cho 655 trường hợp; hỗ trợ khó khăn đột xuất cho 35 trường hợp theo Nghị quyết đặc thù của thành phố; di chuyển hồ sơ người có công đến địa phương khác để quản lý đối với 40 trường hợp; tham mưu ban hành các quyết định điều chỉnh chế độ điều dưỡng đối với người có công. Công tác chăm sóc, phụng dưỡng người có công tại Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng tiếp tục được thực hiện chu đáo.

3. Giáo dục và Đào tạo

Trong tháng 02/2026, ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố tiếp tục triển khai dạy học chương trình học kỳ II của năm học 2025-2026 theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về việc nghỉ Tết, đón xuân Bính Ngọ năm 2026.

Công tác tổ chức hội thi, kỳ thi tiếp tục được thực hiện: tổ chức giải Thể thao học sinh thành phố năm học 2025-2026 môn bóng chuyền; tổ chức bồi dưỡng đối với 07 dự án được chọn tại vòng thi cấp thành phố, chuẩn bị dự thi Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2025-2026; triển khai xét chọn các dự án tham gia Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên do Bộ GDĐT tổ chức; tham mưu kế hoạch triển khai tổ chức Hội thao Giáo dục Quốc phòng và An ninh học sinh THPT toàn quốc và tổ chức khảo sát, tuyển chọn học sinh tham gia dự thi. Bên cạnh đó, xây dựng Quy định thi chọn học sinh giỏi lớp 9 và lớp 12, năm học 2025-2026; xây dựng kế hoạch tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 và kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT công lập năm học 2026-2027.

4. Hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng trên địa bàn thành phố tiếp tục được triển khai đồng bộ, chú trọng phòng bệnh, nâng cao sức khỏe và cải thiện chất lượng cuộc sống cho Nhân dân. Các hoạt động y tế dự phòng, truyền thông giáo dục sức khỏe, quản lý bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe cho các nhóm đối tượng ưu tiên được duy trì thường xuyên.

4.1 Công tác khám, chữa bệnh

Công tác khám, chữa bệnh trên địa bàn thành phố tiếp tục được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, đặc biệt trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Các cơ sở y tế bảo đảm trực cấp cứu 24/24 giờ, chuẩn bị đầy đủ nhân lực, thuốc, vật tư và trang thiết bị y tế để xử lý kịp thời các tình huống phát sinh, không để xảy ra thiếu thuốc hoặc gián đoạn hoạt động khám, chữa bệnh.

Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng cao; công tác phân luồng, cấp cứu, điều trị bệnh nặng và chăm sóc người bệnh được thực hiện theo đúng quy định. Các bệnh viện tiếp tục triển khai các giải pháp giảm quá tải, cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khám, chữa bệnh.

4.2. Tình hình dịch bệnh

Tính đến ngày 20/2/2026, toàn thành phố ghi nhận 149 ca mắc sốt xuất huyết (SXH), giảm 65% so với tháng trước, cộng dồn 2 tháng là 576 ca, tăng 43% (tăng 173 ca) so với cùng kỳ năm 2025. Trong tháng, phát sinh 5 ổ dịch SXH nhỏ, giảm 77% (giảm 17 ổ) so với tháng 02/2025, lũy kế 2 tháng là 27 ổ, tăng 59% (tăng 10 ca) so với cùng kỳ năm trước.

Bệnh tay chân miệng ghi nhận 50 ca, giảm 65% (giảm 93 ca) so với cùng kỳ năm 2025. Cộng dồn đầu năm là 193 ca, tăng 9,7% (tăng 17 ca). Không phát sinh ổ dịch nhỏ tay chân miệng.

Chưa ghi nhận các dịch bệnh: COVID-19, ho gà, bạch hầu, liên cầu lợn, dại, viêm não Nhật Bản B, Nipah. Không phát hiện sự quay trở lại của các dịch bệnh nguy hiểm hoặc xuất hiện các bệnh truyền nhiễm mới, xâm nhập. Công tác giám sát và phòng, chống dịch bệnh được triển khai thường xuyên và kịp thời. Các ổ dịch được khoanh vùng, xử lý triệt để, nhờ đó thành phố chưa ghi nhận tình trạng lây lan diện rộng hay bùng phát dịch bệnh nguy hiểm.

4.3. Chương trình tiêm chủng mở rộng

Chương trình Tiêm chủng mở rộng trong tháng 02 năm 2026 tiếp tục được triển khai đồng bộ, bảo đảm đúng tiến độ và an toàn tiêm chủng. Trong tháng đã giám sát phát hiện 02 trường hợp tử vong sơ sinh, 01 ca sốt phát ban nghi sởi/ rubella, 01 trường hợp mắc sởi, 01 trường hợp ca liệt mềm cấp được phát hiện và lấy mẫu.

4.4. Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Trong tháng 02 năm 2026, toàn thành phố ghi nhận 18 trường hợp nhiễm HIV mới, không ghi nhận trường hợp tử vong, trong đó 7 trường hợp là người Đà Nẵng. Tính từ khi ghi nhận ca nhiễm HIV đầu tiên đến nay, số người nhiễm HIV đang còn sống là 4.222 trường hợp; tổng số người nhiễm HIV tử vong lũy tích là 1.054 trường hợp.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS tiếp tục được triển khai thường xuyên, trọng tâm vào các nhóm nguy cơ cao và các địa bàn trọng điểm. Ngành Y tế tăng cường giám sát dịch tễ, đẩy mạnh xét nghiệm sàng lọc nhằm phát hiện sớm ca nhiễm; mở rộng điều trị ARV và các biện pháp dự phòng lây nhiễm HIV. Đồng thời, công tác truyền thông, tư vấn và can thiệp giảm hại được chú trọng, góp phần hạn chế kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người nhiễm HIV.

4.5. Chương trình mục tiêu dân số

Dân số thành phố duy trì ổn định, bình quân khoảng 3.330 trẻ sinh mỗi tháng; tỷ số giới tính khi sinh 107 bé trai/100 bé gái. Công tác sàng lọc trước sinh và sơ sinh tiếp tục được duy trì, với khoảng 80% phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh và 85% trẻ sơ sinh được sàng lọc đủ 05 bệnh theo quy định. Toàn thành phố có 438.971 người cao tuổi (đến ngày 10/02/2026), trong đó 95,2% có thẻ bảo hiểm y tế; 315.880 người được quản lý sức khỏe và 54.851 người được khám sức khỏe định kỳ.

Trong kỳ, ngành Y tế đã giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 cho tuyến cơ sở; tiếp tục hướng dẫn triển khai nhiệm vụ Dân số - Phát triển. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, tập trung ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong truyền thông, xây dựng kho tri thức số và số hóa dữ liệu chuyên ngành; triển khai kế hoạch thực hiện công tác y tế dân số theo dự toán ngân sách được giao.

5. Văn hóa - Thể thao

Trong tháng 02/2026, trùng với dịp Tết Nguyên đán, thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, lễ hội và các chương trình thể dục thể thao phong phú, tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho Nhân dân và du khách. Các hoạt động diễn ra sôi nổi trước, trong và sau Tết, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời kích cầu du lịch và dịch vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Qua đó, tiếp tục khẳng định vai trò của Đà Nẵng là điểm đến hấp dẫn về văn hóa, lễ hội và sự kiện trong khu vực.

5.1. Lĩnh vực văn hóa

a) Di sản văn hóa

Trong tháng, Thành phố đã tổ chức thành công Hội thảo khoa học “Giải pháp bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị Dinh trấn Thanh Chiêm, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng”; đồng thời chuẩn bị tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia về bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Phật viện Đồng Dương. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng xây dựng dự thảo quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; dự thảo đề cương và dự toán kinh phí Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030”.

Ban Quản lý di tích và danh thắng thành phố thường xuyên khảo sát, kiểm tra thực tế, xử lý kiến nghị liên quan đến di tích; chuẩn bị chu đáo các điều kiện phục vụ lễ dâng hương của lãnh đạo thành phố và duy trì hoạt động dâng hương tại các di tích trong dịp Tết Nguyên đán. Đồng thời, hướng dẫn các địa phương rà soát trang thiết bị, tăng cường phòng, chống cháy, nổ và trang trí tại các di tích lịch sử - văn hóa.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm tiếp tục được đẩy mạnh; các bảo tàng tiếp nhận hiện vật hiến tặng, chỉnh lý trưng bày, bảo quản và số hóa hiện vật; thực hiện tốt việc đón tiếp các đoàn khách ngoại giao và phục vụ du khách. Bảo tàng Đà Nẵng tiếp nhận 521 tác phẩm mỹ thuật, điêu khắc do Hội Mỹ thuật Việt Nam hiến tặng và tổ chức thành công triển lãm “Ngựa và hoa trong sáng tác của họa sĩ Lê Bá Đảng”; bảo tàng Điêu khắc Chăm đón tiếp các đoàn ngoại giao Ấn Độ đến tham quan. Các bảo tàng và đơn vị quản lý di sản tổ chức nhiều hoạt động trang trí, trải nghiệm phục vụ Nhân dân và du khách dịp Tết.

Lượng khách tham quan các bảo tàng, di sản tại bảo tàng Điều khắc Chăm đạt 22.000 lượt khách (19.000 lượt khách quốc tế); bảo tàng Đà Nẵng đón 15.035 lượt khách (4.243 lượt khách quốc tế); di sản Văn hóa thế giới Mỹ Sơn đón 42.630 lượt khách (38.107 lượt khách quốc tế); trung tâm Bảo tồn Di sản Văn hóa thế giới Hội An đón 178.487 lượt khách (173.400 lượt khách quốc tế).

b) Công tác tuyên truyền, cổ động trực quan và quảng cáo

Trong tháng, công tác tuyên truyền, cổ động trực quan được triển khai đồng bộ, tập trung phục vụ Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 và các ngày lễ, sự kiện chính trị đầu năm. Thành phố đã hướng dẫn nội dung tuyên truyền, việc treo cờ Tổ quốc, cờ Đảng; phối hợp các sở, ngành, địa phương tổ chức trang trí, cổ động trực quan trên toàn địa bàn; đồng thời duy trì tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở và màn hình điện tử tại các khu vực trung tâm.

Các hình thức tuyên truyền được triển khai đa dạng như pano, phướn, băng rôn, cụm cờ, mô hình trang trí tại các tuyến đường chính, khu vực trung tâm và điểm du lịch. Bên cạnh đó, vận động Nhân dân treo cờ Tổ quốc, tổng dọn vệ sinh môi trường, góp phần tạo cảnh quan đô thị khang trang, sạch đẹp, không khí vui tươi, phấn khởi trong dịp Tết.

c) Văn hóa cơ sở, gia đình và thư viện

Các đề án, kế hoạch về phát triển đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng nếp sống văn minh đô thị và gia đình văn hóa giai đoạn 2026-2030 tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện; tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy định về xét tặng danh hiệu văn hóa; triển khai khảo sát lễ hội và thống kê hoạt động lễ hội trên địa bàn. Công tác tuyên truyền nếp sống văn minh, phòng chống mê tín dị đoan và tệ nạn xã hội được tăng cường, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội năm 2026.

Hoạt động thư viện được duy trì hiệu quả với việc luân chuyển sách, báo, tài liệu, phục vụ bạn đọc trực tiếp và trực tuyến; tổng lượt đọc, mượn tại hai cơ sở đạt 222.224 lượt, luân chuyển 350.870 lượt tài liệu. Thư viện tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, trưng bày, triển lãm báo Xuân, phục vụ xe thư viện lưu động tại vùng sâu, vùng xa và trao quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

d) Hoạt động văn hóa - nghệ thuật

Trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, nhiều sự kiện văn hóa, du lịch đặc sắc được tổ chức trước, trong và sau Tết, góp phần tạo không khí vui tươi, phấn khởi và thu hút đông đảo Nhân dân, du khách. Nổi bật là Festival Hoa Xuân, đường hoa, chợ hoa, các không gian Tết truyền thống, chương trình biểu diễn nghệ thuật, trò chơi dân gian và các hoạt động phục vụ vùng ven, vùng xa. Các địa phương tổ chức lễ hội bảo đảm an toàn, lành mạnh, tiết kiệm.

Một số hoạt động tiêu biểu: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố tổ chức Cuộc thi Tài năng nghệ thuật năm 2026; Trung tâm Bảo tồn di sản văn hóa thế giới Hội An tổ chức Hội thi “Cây Nêu ngày Tết” cùng chuỗi hoạt động Tết truyền thống như Không gian Chợ Tết xưa, đoàn rước Sắc bùa chúc xuân, Hội Tết Nguyên tiêu, biểu diễn nghệ thuật và trò chơi dân gian; Thư viện Đà Nẵng tổ chức Hội Báo Xuân và không gian trưng bày tại cơ sở 1; Ban Quản lý di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn tổ

chức đua thuyền trên dòng Khe Thở; Ban Quản lý Bán đảo Sơn Trà và các bãi biển du lịch Đà Nẵng tổ chức chương trình “Tết làng chài” năm 2026.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động quy mô lớn tại khu vực trung tâm như Festival Hoa Xuân, đường hoa, chợ hoa Xuân, hội chợ và phiên chợ Tết, không gian Tết cổ truyền được tổ chức gắn với các hoạt động trải nghiệm văn hóa dân gian như gói bánh chưng, xin chữ đầu năm, trò chơi truyền thống. Các chương trình nghệ thuật, âm nhạc, tuồng, bài chòi, nghệ thuật đường phố diễn ra xuyên suốt phục vụ Nhân dân và du khách; đồng thời tổ chức các buổi biểu diễn lưu động, chiếu phim phục vụ vùng ven, vùng xa. Đêm Giao thừa diễn ra sôi nổi với các chương trình nghệ thuật tại nhiều địa điểm trên địa bàn thành phố. Đồng thời tổ chức bắn pháo hoa tại 06 điểm, tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho Nhân dân và du khách trong thời khắc chuyển giao năm mới.

5.2. Lĩnh vực thể thao

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng: công tác đào tạo, hướng dẫn chuyên môn và tổ chức phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì, phát triển rộng khắp. Các địa phương tích cực tổ chức hoạt động luyện tập, thi đấu, tạo sân chơi lành mạnh, góp phần nâng cao sức khỏe Nhân dân và tăng cường sự gắn kết cộng đồng. Việc thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể thao cơ sở được quan tâm, từng bước mở rộng mạng lưới phong trào thể thao quần chúng trên địa bàn.

Hoạt động thể dục thể thao thành tích cao: công tác đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao được triển khai theo kế hoạch; các đội tuyển tiếp tục tập huấn, thi đấu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thành tích. Việc tuyển chọn vận động viên năng khiếu được chú trọng, tạo nguồn kế cận cho thể thao thành tích cao của thành phố. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên được triển khai kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo và chuẩn bị lực lượng tham gia các giải đấu lớn trong thời gian tới.

6. Trật tự an toàn xã hội

Trong kỳ từ ngày 15/01/2026 đến ngày 14/02/2026, trùng với thời điểm trước và trong Tết Nguyên đán Bính Ngọ, các cấp, các ngành trên địa bàn thành phố đã tăng cường triển khai các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ môi trường. Trên địa bàn xảy ra một số vụ cháy, nổ nhưng không gây thiệt hại về người; tai nạn giao thông phát sinh chủ yếu trên đường bộ, làm chết và bị thương nhiều người, thiệt hại đáng kể về tài sản; công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường tiếp tục được thực hiện nghiêm, với số vụ vi phạm bị xử lý ở mức cao. Nhìn chung, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội cơ bản được kiểm soát, các hoạt động quản lý nhà nước được duy trì ổn định trong dịp trước, trong và sau Tết.

6.1. Tình hình cháy, nổ

Trong kỳ từ ngày 15/01/2026 đến ngày 14/02/2026, trên địa bàn thành phố xảy ra 04 vụ cháy, nổ, giảm 04 vụ so với tháng trước và tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Các vụ việc không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 39 triệu đồng. Lũy kế 02 tháng đầu năm xảy ra 12 vụ, gây thiệt hại gần 692 triệu đồng, tăng 01 vụ và tăng 669 triệu đồng thiệt hại so với cùng kỳ.

Công tác phòng cháy, chữa cháy tiếp tục được các lực lượng chức năng tăng cường triển khai; tuy nhiên, nguy cơ cháy, nổ vẫn tiềm ẩn, nhất là trong điều kiện thời tiết hanh khô và nhu cầu sử dụng điện, nguồn nhiệt tăng cao trong dịp Tết. Lực lượng chức năng đã chủ động rà soát, kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh và nơi tập trung đông người; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao ý thức phòng ngừa, góp phần hạn chế nguy cơ phát sinh cháy, nổ trên địa bàn.

6.2. Tai nạn giao thông

Trong thời gian từ ngày 15/01/2026 đến ngày 14/02/2026, trên địa bàn thành phố xảy ra 35 vụ tai nạn giao thông, làm 22 người chết và 16 người bị thương; các vụ tai nạn đều xảy ra trên đường bộ. So với tháng trước, số vụ tai nạn giảm 12 vụ, số người chết không thay đổi, số người bị thương giảm 14 người. So với cùng kỳ năm 2025, số vụ tai nạn tăng 06 vụ, số người chết tăng 13 người, số người bị thương giảm 07 người.

a) Tai nạn giao thông đường bộ

Trong tháng 02/2026, toàn thành phố xảy ra 35 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 22 người tử vong và 16 người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 533 triệu đồng. So với tháng 01/2026, số vụ tai nạn giảm 12 vụ (giảm 25,5%), số người chết không thay đổi, số người bị thương giảm 14 người (giảm 46,6%). So với cùng kỳ tháng 02/2025, số vụ tai nạn tăng 6 vụ (20,7%), số người chết tăng 13 người (44,4%), trong khi số người bị thương giảm 07 người (giảm 30,4%).

b) Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy

Trong tháng, không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, không biến động so với tháng trước và cùng kỳ năm 2025. Lũy kế đến tháng 02/2026, giảm 01 vụ và giảm 01 người chết.

Tai nạn giao thông đường thủy cũng không phát sinh trong tháng. Lũy kế giảm 01 vụ so với cùng kỳ năm 2025 và không gây thiệt hại về người.

7. Môi trường

Trong tháng, công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường tiếp tục được triển khai nghiêm túc và đồng bộ. Các ngành chức năng đã phát hiện, xử lý 108 vụ vi phạm hành chính với 115 đối tượng, tổng số tiền xử phạt đạt gần 2,2 tỷ đồng. Trong đó, có 14 vụ thuộc lĩnh vực xây dựng và môi trường đô thị với số tiền phạt là 212 triệu đồng; 59 vụ liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm với tổng số tiền phạt gần 584 triệu đồng. Các vụ vi phạm khác gồm 35 vụ, tổng số tiền phạt khoảng 1,4 tỷ đồng, trong đó vi phạm về tài nguyên, khoáng sản chiếm tỷ lệ lớn với 16 vụ, tổng số tiền phạt gần 597 triệu đồng.

Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026, lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 177 vụ, tổng số tiền phạt gần 04 tỷ đồng. Trong đó, vi phạm về an toàn thực phẩm là 79 vụ với tổng số tiền phạt 872 triệu đồng; 23 vụ vi phạm về xây dựng, môi trường đô thị với tổng tiền phạt 321 triệu đồng và 75 vụ vi phạm khác

liên quan đến các lĩnh vực môi trường khác, như: y tế; khai thác tài nguyên, khoáng sản; sản xuất công nghiệp...với tổng số tiền phạt gần 2,8 tỷ đồng.

Nơi nhận:

- Ban TKTH&ĐN (để b/c);
- Ban HTTKQG - CTK (để b/c);
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP (để b/c);
- Thống kê 6 thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị trực thuộc Thống kê TPĐN;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn;
- Lãnh đạo Thống kê TPĐN;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Trần Văn Vũ

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-TKT ngày 02 tháng 3 năm 2026
của Thống kê thành phố Đà Nẵng)*

01 Sản xuất nông nghiệp tính đến ngày 20 tháng 02 năm 2026

	Thực hiện cùng kỳ năm 2025	Thực hiện Kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm 2025 (%)
Diện tích gieo trồng một số loại cây hàng năm (Ha)			
Lúa	43.800	43.700	99,77
Lúa đông xuân	43.800	43.700	99,77
Một số loại cây khác			
Ngô	4.300	4.360	101,40
Khoai lang	525	500	95,24
Đậu tương	30	31	103,33
Lạc	7.250	7.300	100,69
Rau các loại	4.750	4.900	103,16
Đậu các loại	1.800	1.810	100,56

02 Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 2 và 2 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: %		
	Ước tháng 2 năm 2026 so với tháng trước	Ước tháng 2 năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025	Bình quân 2 tháng đầu năm 2026 so với bình quân cùng kỳ năm 2025
Toàn ngành công nghiệp	90,04	99,24	113,11
Khai khoáng	74,07	40,26	56,89
Khai thác than cứng và than non	115,49	94,32	100,30
Khai khoáng khác	63,00	27,72	43,80
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	68,34	133,91	171,41
Công nghiệp chế biến, chế tạo	90,85	99,55	114,01
Sản xuất chế biến thực phẩm	76,07	85,26	99,60
Sản xuất đồ uống	104,34	109,54	112,51
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	58,22	62,80	94,66
Dệt	82,11	88,08	100,82
Sản xuất trang phục	61,12	74,73	89,76
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	78,25	95,76	114,41
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	45,25	85,33	130,49
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	63,15	128,68	162,34
In, sao chép bản ghi các loại	85,66	121,87	97,65
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	60,21	69,33	93,54
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	81,79	94,84	112,75
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	69,28	57,06	72,21
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	61,26	102,31	119,25
Sản xuất kim loại	83,63	87,40	104,55
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	75,63	100,75	116,97
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	84,70	103,91	122,83
Sản xuất thiết bị điện	79,00	87,35	109,07
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	167,24	118,39	121,08
Sản xuất xe có động cơ	54,47	101,97	133,52
Sản xuất phương tiện vận tải khác	73,22	74,58	102,08
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	67,37	81,99	84,99
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	82,43	90,49	111,48
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	87,60	85,34	80,20
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	73,24	94,44	102,52
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,21	109,47	106,78
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	97,14	108,40	105,48
Thoát nước và xử lý nước thải	87,12	113,14	115,21
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	114,08	109,45	104,74

03 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 2 năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 02/2026	Ước tính tháng 02/2026	Ước tính tháng 02/2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
Than đá (than cứng) loại khác	Tấn	10.500	19.591	94,32	100,30
Đá xây dựng khác	M3	18.434	51.444	17,87	33,13
Thịt cá đông lạnh	Tấn	541	1.568	66,42	113,54
Tôm đông lạnh	Tấn	908	2.161	73,73	91,49
Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường và chất ngọt khác, có hàm lượng chất béo trên 6% tính theo trọng lượng	1000 lít	7.000	14.983	123,55	118,34
Bia các loại	1000 lít	20.853	46.934	117,97	134,15
Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1000 lít	23.491	45.775	77,40	85,72
Thuốc lá có đầu lọc	1000 bao	5.360	14.567	62,80	94,66
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	1.546	4.064	54,80	65,36
Vải mảnh dùng làm lớp	1000 m2	6.218	13.150	104,27	114,31
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	8.379	22.575	70,18	85,85
Các bộ phận của giày, dép bằng da; tấm lót bên trong có thể tháo rời; đệm gót và các sản phẩm tương tự; ghệt, xà cạp và các sản phẩm tương tự và các bộ phận của chúng	1000 đôi	1.025	2.818	73,44	83,43
Vỏ bảo, dăm gỗ	Tấn	49.436	177.531	81,28	129,75
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhấn)	1000 chiếc	5.034	11.233	146,73	154,35
Cao dán, bông, băng, gạc và các sản phẩm tương tự	Kg	246.746	551.102	94,31	112,21
Lốp hơi mới bằng cao su, loại dùng cho xe buýt, xe tải hoặc máy bay	1000 cái	41	121	35,12	59,65
Xi măng Portland đen	Tấn	117.692	297.125	95,22	101,75
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	42.605	128.645	98,60	129,93
Sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác	Tấn	7.015	18.865	93,72	160,09
Thanh, que sắt hoặc thép không hợp kim, được cán nóng	Tấn	23.912	50.623	80,92	95,37
Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống hoặc cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm	Tấn	34.941	79.392	114,35	126,51

03 Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 02 năm 2026 (tt)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 02/2026	Ước tính tháng 02/2026	Ước tính tháng 02/2026 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%))
Điện trở biến đổi kiểu dây quấn (gồm cả biến trở, chiết áp)	1000 chiếc	11.000	22.352	134,15	141,47
Bộ phận và các phụ tùng của máy tính	1000 Cái	223.259	581.081	67,67	88,35
Động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37.5 W	1000 Chiếc	19.152	45.340	84,22	104,60
Bộ lọc dầu hoặc xăng cho động cơ đốt trong	1000 Bộ	4.300	8.840	175,24	182,57
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và tối đa 18 tấn	Chiếc	4.376	13.188	101,06	133,08
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	1.369	2.894	135,54	151,04
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	91.919	233.766	77,33	104,82
Thiết bị câu và bắt cá	Chiếc	309.477	915.724	70,85	99,45
Thiết bị và dụng cụ khác dùng trong y khoa	1000 cái	32.500	79.740	206,28	218,74
Nén, nén cây	1000 cây	80.300	175.446	91,28	112,00
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay và tàu vũ trụ	Triệu đồng	35.678	76.408	85,34	80,20
Điện sản xuất	Triệu KWh	266	709	80,68	89,08
				10	111,
Điện thương phẩm	Triệu KWh	479	.067	2,47	81
Nước uống được	1000 m3	13.093	26.547	108,51	105,22
Dịch vụ xử lý nước thải bằng quy trình vật lý, hoá học và sinh học	Triệu đồng	14.987	31.805	115,50	120,97
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	30.248	54.180	121,75	113,05

04 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 1/2026	Ước tính tháng 2/2026	Ước thực hiện 2 tháng đầu năm 2026	2 tháng đầu năm 2026 so với kế hoạch	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ 2025
TỔNG SỐ	834.972	640.129	1.475.101	10,62	75,10
Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	605.711	459.467	1.065.178	10,94	55,61
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	508.901	379.720	888.621	11,43	63,40
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	250.320	200.967	451.287	10,68	86,04
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	37.294	30.393	67.687	9,74	20,39
Vốn nước ngoài (ODA)	20.038	18.665	38.703	6,88	80,10
Xổ số kiến thiết	21.077	17.500	38.577	10,23	73,59
Vốn khác	18.401	13.189	31.590	9,57	39,01
Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	229.261	180.662	409.923	9,86	839,85
Vốn cân đối ngân sách xã	229.261	180.662	409.923	10,21	839,85
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	86.002	67.390	153.392	11,18	
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-

05 Doanh thu bán lẻ hàng hóa

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 1/2026	Ước tính tháng 2/2026	Ước thực hiện 2 tháng đầu năm 2026	Tháng 2/2026 so với cùng kỳ năm 2025	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ 2025
Tổng số	13.613.342	12.283.225	25.896.568	122,41	119,02
Lương thực, thực phẩm	4.601.515	4.929.020	9.530.535	129,03	117,71
Hàng may mặc	729.398	667.893	1.397.290	133,44	119,64
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	2.307.171	1.870.985	4.178.157	131,77	117,64
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	258.161	213.758	471.919	102,07	110,38
Gỗ và vật liệu xây dựng	744.143	538.230	1.282.374	118,36	124,55
Ô tô các loại	1.011.519	608.439	1.619.958	88,86	113,49
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	712.956	435.624	1.148.581	98,58	120,99
Xăng, dầu các loại	1.098.133	1.124.459	2.222.591	115,29	107,89
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	85.923	80.506	166.429	107,54	105,47
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1.176.567	1.006.131	2.182.698	122,37	147,24
Hàng hóa khác	509.869	498.147	1.008.016	130,68	120,71
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	377.987	310.032	688.019	124,02	120,08

06 Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 1/2026	Ước tính tháng 2/2026	Ước thực hiện 2 tháng đầu năm 2026	Tháng 2/2026 so với cùng kỳ năm 2025	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ 2025
TỔNG SỐ	22.857.096	21.137.461	43.994.556	119,13	118,12
Tổng mức bán lẻ hàng hóa	13.613.342	12.283.225	25.896.568	122,41	119,02
Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống	4.722.022	4.529.534	9.251.556	114,75	115,53
Doanh thu lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch	312.231	317.101	629.332	115,59	115,94
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác	4.209.501	4.007.600	8.217.101	114,94	118,46

07 Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác

ĐVT: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 1/2026	Ước tính tháng 2/2026	Ước thực hiện 2 tháng đầu năm 2026	Tháng 2/2026 so với tháng trước	Tháng 2/2026 so với tháng cùng kỳ năm 2025	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	4.722.022	4.529.534	9.251.556	95,92	114,75	115,53
Dịch vụ lưu trú	1.426.150	1.356.269	2.782.419	95,10	109,30	112,33
Dịch vụ ăn uống	3.295.872	3.173.265	6.469.137	96,28	117,24	116,96
Du lịch lữ hành	312.231	317.101	629.332	101,56	115,59	115,94
Dịch vụ tiêu dùng khác	4.209.501	4.007.600	8.217.101	95,20	114,94	118,46

08 Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 02 năm 2026 so với:				Bình quân 2 tháng đầu năm 2026 so với bình quân cùng kỳ năm 2025
	Kỳ gốc 2024	Cùng kỳ năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 01 năm 2026	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	106,39	103,93	101,25	101,16	103,38
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	108,63	105,31	102,07	101,89	104,26
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	103,84	97,28	100,68	100,62	96,36
Thực phẩm	111,02	106,73	102,32	102,40	105,27
Ăn uống ngoài gia đình	106,31	104,94	102,02	101,43	104,41
Đồ uống và thuốc lá	104,33	103,31	101,59	101,34	102,65
May mặc, giày dép và mũ nón	104,05	102,74	102,07	101,22	102,16
Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	108,32	108,45	101,01	100,47	108,51
Thiết bị và đồ dùng gia đình	104,23	101,93	100,57	100,54	101,25
Thuốc và dịch vụ y tế	111,31	100,41	100,09	100,04	100,65
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	117,29	100,09	100,00	100,00	100,09
Giao thông	95,87	96,95	99,32	101,75	96,28
Thông tin và truyền thông	100,74	99,04	100,08	100,11	98,98
Giáo dục	106,74	104,58	100,79	100,00	104,58
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	107,46	105,00	100,87	100,00	105,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	104,04	104,39	102,63	102,22	103,46
Hàng hóa và dịch vụ khác	108,40	104,37	102,30	101,51	103,66
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	227,24	190,45	118,62	112,13	184,29
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	104,09	102,47	99,08	99,16	102,91

09 Doanh thu vận tải đường bộ và đường thủy, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải; dịch vụ bưu chính và chuyển phát

Đơn vị tính: Triệu đồng; %

	Thực hiện tháng 1/2026	Ước tính tháng 2/2026	Ước thực hiện 2 tháng đầu năm 2026	Tháng 2/2026 so với tháng trước	Tháng 2/2026 so với tháng cùng kỳ năm 2025	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
TỔNG SỐ	3.076.904	2.757.084	5.833.988	89,61	112,56	111,08
Vận tải hành khách	443.813	453.360	897.174	102,15	127,68	122,06
Đường biển						
Đường thủy nội địa	12.485	13.720	26.205	109,89	133,62	123,10
Đường bộ	431.328	439.641	870.969	101,93	127,50	122,03
Vận tải hàng hóa	1.055.978	898.445	1.954.423	85,08	100,94	107,32
Đường biển	28.919	16.671	45.589	57,65	100,46	113,44
Đường thủy nội địa	3.987	2.759	6.746	69,19	88,85	81,75
Đường bộ	1.023.072	879.015	1.902.088	85,92	101,00	107,30
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	1.461.052	1.319.907	2.780.959	90,34	117,49	110,28
Dịch vụ bưu chính và chuyển phát	116.060	85.373	201.433	73,56	105,59	115,71

10 Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy

	Thực hiện tháng 1/2026	Ước tính tháng 2/2026	Ước thực hiện 2 tháng đầu năm 2026	Tháng 2/2026 so với tháng trước	Tháng 2/2026 so với tháng cùng kỳ năm 2025	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
HÀNH KHÁCH						
Vận chuyển (Nghìn lượt HK)	5.589	5.670	11.259	101,46	129,81	123,16
Đường biển						
Đường thủy nội địa	339	370	709	108,94	110,36	111,98
Đường bộ	5.249	5.300	10.550	100,97	131,43	124,00
Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	243.051	233.275	476.326	95,98	132,34	123,87
Đường biển						
Đường thủy nội địa	1.190	1.297	2.486	109,02	121,32	116,89
Đường bộ	241.861	231.978	473.840	95,91	132,40	123,91
HÀNG HÓA						
Vận chuyển (Nghìn tấn)	5.801	4.834	10.636	83,33	101,50	110,35
Đường biển	17	9	26	53,69	105,88	118,13
Đường thủy nội địa	21	15	35	71,02	101,56	78,48
Đường bộ	5.764	4.811	10.575	83,46	101,49	110,48
Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	578.294	486.930	1.065.224	84,20	103,58	110,97
Đường biển	15.098	8.089	23.187	53,58	106,10	118,63
Đường thủy nội địa	373	235	608	63,05	104,60	89,09
Đường bộ	562.823	478.606	1.041.430	85,04	103,54	110,83

11 Trật tự, an toàn xã hội

	Đơn vị tính	Sơ bộ kỳ báo cáo ⁹	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông						
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	35	82	74,47	120,69	85,42
Đường bộ	"	35	82	74,47	120,69	87,23
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	22	44	100,00	244,44	133,33
Đường bộ	"	22	44	100,00	244,44	137,50
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Số người bị thương	Người	16	46	53,33	69,57	60,53
Đường bộ	"	16	46	53,33	69,57	60,53
Đường sắt	"	-	-	-	-	-
Đường thủy	"	-	-	-	-	-
Cháy, nổ						
Số vụ cháy, nổ	Vụ	4	12	50,00	133,33	109,09
Số người chết	Người	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	39	692	5,98	684,21	768,50

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Công an thành phố Đà Nẵng

⁹ Số liệu kỳ báo cáo tính từ ngày 15/01/2026 đến 14/02/2026; kỳ trước kỳ báo cáo tính từ 15/12/2025 đến 14/01/2026

12 Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 2 tháng đầu năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng; %					
	Số liệu cùng kỳ năm trước	Số liệu kỳ báo cáo ¹⁰	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Cơ cấu cùng kỳ năm trước	Cơ cấu kỳ báo cáo
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	9.516.390	13.044.580	137,07	100,00	100,00
Thu nội địa	9.485.492	12.886.463	135,85	99,68	98,79
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	562.524	991.760	176,31	5,91	7,60
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	1.684.409	2.104.892	124,96	17,70	16,14
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	4.616.901	6.589.067	142,72	48,52	50,51
Thuế thu nhập cá nhân	1.231.582	1.148.814	93,28	12,94	8,81
Thuế bảo vệ môi trường	251.592	243.342	96,72	2,64	1,87
Thu phí, lệ phí	362.835	458.278	126,30	3,81	3,51
Trong đó: Lệ phí trước bạ	183.999	325.383	176,84	1,93	2,49
Các khoản thu về nhà, đất	533.970	947.922	177,52	5,61	7,27
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	87.559	91.821	104,87	0,92	0,70
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.945	4.453	64,12	0,07	0,03
Thu khác ngân sách	142.808	305.120	213,66	1,50	2,34
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.166	994	85,29	0,01	0,01
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân hàng nhà nước	3.200,00	-	0,00	0,03	-
Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	-437.141	152.958	...	...	1,17
Thu viện trợ	71	80,22	112,35	0,001	0,001
Thu khác	467.968	5.078	1,09	4,92	0,04

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII

¹⁰ Cập nhật từ 01/01/2026 đến 25/02/2026, số liệu cùng kỳ năm 2025 tính từ 01/01/2025 đến 25/02/2025

13 Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn 2 tháng đầu năm 2026

<i>Đơn vị tính: Triệu đồng; %</i>					
	Số liệu cùng kỳ năm trước	Số liệu kỳ báo cáo ¹¹	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Cơ cấu cùng kỳ năm trước	Cơ cấu kỳ báo cáo
Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	13.570.881	10.796.753	79,56	100,00	100,00
Chi đầu tư phát triển	5.828.124	2.820.849	48,40	42,95	26,13
Chi trả nợ lãi	428,8	677,7	158,02	0,003	0,01
Chi thường xuyên	7.740.508	7.971.479	102,98	57,04	73,83
Chi quốc phòng	2.428.047	2.821.404	116,20	17,89	26,13
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	501.914	481.322	95,90	3,70	4,46
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	1.432.635	1.575.104	109,94	10,56	14,59
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	337.613	273.911	81,13	2,49	2,54
Chi khoa học, công nghệ	34.646	8.892	25,66	0,26	0,08
Chi văn hóa, thông tin	88.163	40.022	45,40	0,65	0,37
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	15.581	7.220	46,34	0,11	0,07
Chi thể dục, thể thao	32.171	29.227	90,85	0,24	0,27
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	30.552	8.765	28,69	0,23	0,08
Chi sự nghiệp kinh tế	318.588	419.026	131,53	2,35	3,88
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	1.273.901	1.036.985	81,40	9,39	9,60
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	1.076.152	1.110.093	103,15	7,93	10,28
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	...	...	...	...	...
Chi khác	170.544	159.509	93,53	1,26	1,48
Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.820	3.270	179,67	0,01	0,03
Chi dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
Các nhiệm vụ chi khác	-	477,30	-	-	0,004

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Kho bạc Nhà nước Khu vực XIII

¹¹ Cập nhật từ 01/01/2026 đến 25/02/2026, số liệu cùng kỳ năm 2025 tính từ 01/01/2025 đến 25/02/2025

14 Hoạt động ngân hàng

	Đơn vị tính: Tỷ đồng; %		
	Thực hiện tháng 01/2026	Ước tháng 02/2026	Tháng 02/2026 so với tháng 12/2025
Tổng nguồn vốn huy động	386.492	390.114	101,33
<i>Trong đó: Huy động từ tiền gửi, gồm:</i>	382.072	385.611	101,31
<i>Phân theo loại tiền</i>			
Đồng Việt Nam	369.613	372.828	101,16
Ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	12.459	12.783	106,04
<i>Phân theo các hình thức huy động</i>			
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	306.238	308.332	100,22
Tiền gửi thanh toán	75.834	77.279	105,92
Tổng dư nợ cho vay	455.960	459.352	102,21
<i>Phân theo kỳ hạn</i>			
Dư nợ ngắn hạn	216.589	218.046	101,73
Dư nợ trung và dài hạn	239.371	241.306	102,66
<i>Phân theo loại tiền</i>			
Dư nợ bằng VNĐ	448.280	451.477	101,96
Dư nợ bằng ngoại tệ (quy đổi VNĐ)	7.680	7.875	119,18

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Ngân hàng Nhà nước Khu vực 9

15 Xuất, nhập khẩu hàng hóa

	Đơn vị tính: 1000 USD; %				
	Thực hiện tháng 01 năm 2026	Ước tính tháng 02 năm 2026	Cộng dồn 2 tháng đầu năm 2026	Tháng 02 năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025
Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa	857.359	645.000	1.502.359	107,87	121,75
<i>Trong đó:</i>					
Xuất khẩu	387.993	325.000	712.993	114,61	112,32
Nhập khẩu	469.365	320.000	789.365	101,80	131,74
Xuất siêu	-81.372	5.000	-76.372		

Ghi chú: Nguồn số liệu từ Báo cáo Thống kê xuất, nhập khẩu của Hải quan Việt Nam; Thống kê TP Đà Nẵng dự ước tháng 02/2026

16 Một số chỉ tiêu về khách lưu trú và lữ hành

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 1 năm 2026	Ước tính tháng 2 năm 2026	Cộng dồn 2 tháng đầu năm 2026	Tháng 2 năm 2026 so với cùng kỳ 2025 (%)	2 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
Dịch vụ lưu trú						
Lượt khách phục vụ	Lượt khách	1.261.349	1.204.772	2.466.122	106,63	110,77
Khách quốc tế	"	778.656	737.262	1.516.916	110,39	116,62
Khách trong nước	"	482.694	467.510	949.205	101,20	102,55
Khách ngủ qua đêm	"	1.124.566	1.073.584	2.198.150	107,69	112,36
Khách quốc tế	"	776.467	734.849	1.511.316	110,32	116,47
Khách trong nước	"	348.099	338.735	686.834	102,41	104,27
Khách nghỉ trong ngày	"	136.783	131.189	267.972	98,68	99,20
Khách quốc tế	"	2.189	2.414	5.601	139,18	175,86
Khách trong nước	"	134.594	128.775	262.371	98,14	98,28
Ngày khách phục vụ (chỉ tính cho khách ngủ qua đêm)	Ngày khách	2.084.059	1.953.015	4.037.074	106,82	111,80
Khách quốc tế	"	1.495.131	1.380.753	2.875.884	107,60	115,23
Khách trong nước	"	588.928	572.261	1.161.190	105,01	104,12
Số ngày lưu trú bình quân¹²	Ngày /lượt	1,85	1,82	1,84	99,19	99,50
Khách quốc tế	"	1,93	1,88	1,90	97,53	98,93
Khách trong nước	"	1,69	1,69	1,69	102,54	99,85
Dịch vụ lữ hành						
Lượt khách du lịch theo tour	Lượt khách	105.335	106.548	211.884	110,92	112,46
Khách quốc tế	"	45.780	45.597	91.377	104,30	109,15
Khách trong nước	"	53.877	54.653	108.529	116,82	116,78
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	5.679	6.299	11.977	113,25	101,98
Ngày khách du lịch theo tour	Ngày khách	247.153	250.728	497.881	114,49	115,33
Khách quốc tế	"	126.502	126.224	252.726	115,04	119,43
Khách trong nước	"	98.601	100.622	199.223	113,44	113,11
Khách Việt Nam đi du lịch nước ngoài	"	22.050	23.882	45.933	116,13	104,46

¹² Chỉ tính cho khách ngủ qua đêm